

Số 156 /TB-MTĐT

Quảng Trị, ngày 07 tháng 4 năm 2026

**THÔNG BÁO
MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình trân trọng kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty. Cụ thể như sau:

1. Thời gian: Vào hồi 08h00', ngày 28 tháng 04 năm 2026.

2. Địa điểm: Số 01 đường Hoàng Văn Thái, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Là cổ đông của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình theo danh sách chốt ngày 31/03/2026.

- Cổ đông không trực tiếp tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản (theo mẫu gửi kèm hoặc theo quy định pháp luật về dân sự).

4. Nội dung chính của Đại hội:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

- Báo cáo công tác hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

- Báo cáo Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn năm 2026 - 2030;

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026;

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025;

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

- Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025;

- Phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người phụ trách quản trị kiêm thư ký;

- Điều lệ, các Quy chế Công ty;

- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. Đăng ký tham dự và góp ý nội dung Đại hội:



Quý vị cổ đông vui lòng gửi:

Giấy xác nhận tham dự (trường hợp tham dự trực tiếp) và/hoặc Giấy ủy quyền kèm Bản sao CMND/HC/ĐKKD của người ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội) **trước 16h00' ngày 22/04/2026** tới Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình, theo địa chỉ: Phòng Hành chính- Tổng hợp- Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình, Số 01 đường Hoàng Văn Thái, phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị (Điện thoại: 0232.3889288- Fax: 0232.3889279). **Nếu sau 16h00' ngày 22/04/2026** quý cổ đông không gửi giấy xác nhận tham dự (hoặc giấy ủy quyền tham dự) thì được xem không tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

(Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ Ông Hoàng Văn Dương- TP Hành chính- Tổng hợp, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký - Số điện thoại: 0914618555)

6. Tài liệu Đại hội:

Chúng tôi xin gửi kèm theo Thông báo mời họp này là các tài liệu để sử dụng trong Đại hội, đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trước và mang theo để sử dụng trong dự Đại hội. Các tài liệu bao gồm:

6.1. Các tài liệu bản cứng gửi Quý cổ đông kèm theo Thông báo mời họp:

- a) Giấy xác nhận tham dự Đại hội.
- b) Giấy ủy quyền tham dự Đại hội.

6.2. Các tài liệu liên quan đến Đại hội đề nghị Quý cổ đông tham khảo thêm tại website Công ty tại địa chỉ: www.urencoquangbinh.com.vn

- a) Chương trình làm việc của Đại hội.
- b) Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.
- c) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
- e) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
- f) Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty năm 2025.
- g) Tờ trình Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
- h) Tờ trình Thông qua Phương án chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị năm 2026.
- i) Tờ trình Thông qua Đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026.
- j) Tờ trình Thông qua Báo cáo Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030.
- k) Tờ trình Thông qua Điều lệ Công ty; Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế công bố thông tin của Công ty.

30488
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

- l) Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
m) Dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên.

6.3. Các tài liệu sẽ được phát trực tiếp khi cổ đông đến tham dự tại Đại hội, bao gồm:

- a) Chương trình làm việc của Đại hội.
b) Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty năm 2025.
c) Tờ trình Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch năm 2025.
d) Tờ trình Thông qua Phương án chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị năm 2026.
e) Tờ trình Thông qua Đề xuất tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp.
f) Tờ trình Thông qua Báo cáo Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030.
g) Tờ trình Thông qua Điều lệ Công ty; Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế công bố thông tin của Công ty.
h) Thẻ biểu quyết;
i) Các tài liệu khác (nếu có).

Sự hiện diện của Quý cổ đông sẽ góp phần vào sự thành công của Đại hội.
Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Đức Thái

Ghi chú:

1. Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau để Ban tổ chức Đại hội tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông:
 - a. Cổ đông là cá nhân hoặc người được ủy quyền của cá nhân/tổ chức: CCCD/HC hoặc Giấy tờ tùy thân khác.
 - b. Cổ đông là tổ chức: Bản sao công chứng Giấy CNĐKDN và CCCD/HC hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người đại diện theo pháp luật.
2. Cổ đông về dự Đại hội tự túc kinh phí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình.**

Tên cổ đông là cá nhân/tổ chức:.....

Số CCCD/ĐKKD số: ngày cấp...../...../.....

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: **Số fax:**

Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông là tổ chức):
.....

Số CCCD/hộ chiếu của người đại diện tổ chức: cấp ngày
...../...../.....**Nơi cấp:**.....

Số điện thoại: **Số fax:**

**Xác nhận sẽ tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần
Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình với:**

Số cổ phần biểu quyết là:..... cổ phần.

(Bằng chữ: cổ phần)

Trong đó:

- Số cổ phần sở hữu trực tiếp là: cổ phần.

- Số cổ phần được ủy quyền là: cổ phần

(Gửi kèm theo đây: Giấy ủy quyền tham dự Đại hội kèm Bản sao CCCD/HC/ĐKKD của người ủy quyền).

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

..., ngày ... tháng ... năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Để việc tổ chức Đại hội được thành công, đề nghị Quý cổ đông tham dự đại hội giữ Giấy xác nhận tham dự và Giấy ủy quyền kèm Bản sao CCCD/HC/ĐKKD của người ủy quyền (trong trường hợp Ủy quyền) này tới địa chỉ Phòng HC-TH của CTCP Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình trước 16h00' ngày 22/04/2026.

- Cổ đông khi đến dự Đại hội mang theo CCCD/HC hoặc Giấy tờ tùy thân khác (Đối với cá nhân hoặc người được ủy quyền của cá nhân/tổ chức), Bản sao công chứng Giấy CNĐKDN và CCCD/HC hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người đại diện theo pháp luật (Đối với Tổ chức).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình

1. Bên ủy quyền tham dự Đại hội:

Tên cổ đông:.....
Số CCCD/ĐKKD số:..... **ngày cấp:**...../...../.....
Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú/địa chỉ trụ sở:.....
Điện thoại:..... **Fax:**.....
Số cổ phần sở hữu: **cổ phần**

2. Bên được ủy quyền tham dự Đại hội:

Tên cá nhân:
Số CCCD/ĐKKD số:..... **ngày cấp:**...../...../.....
Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:.....
Điện thoại:..... **Fax:**.....

3. Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền có quyền tham dự và biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình với tư cách là cổ đông đại diện cho cổ phần (bằng chữ: cổ phần) mà tôi (Bên ủy quyền) đang sở hữu.

4. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình.

....., ngày tháng ... năm 2026

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên nếu có)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu trường hợp là cổ đông là tổ chức)

Ghi chú:

- Để việc tổ chức Đại hội được thành công, đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy ủy quyền việc tham dự Đại hội tới địa chỉ Phòng Hành chính - Tổng hợp của CTCP Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình tại Số 01, đường Hoàng Văn Thái, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị trước 16h00 ngày 22/04/2026;
- Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi Cổ đông đó;
- Người được ủy quyền phải là cá nhân và không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

1. Thời gian tổ chức: Vào hồi 8h00' ngày 28 tháng 04 năm 2026.

2. Địa điểm tổ chức: Hội trường Công ty, số 01 Hoàng Văn Thái, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

3. Nội dung chương trình:

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
I	Đón tiếp Đại biểu, cổ đông		
1	8h00' - 8h10'	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông - đăng ký dự họp. - Phát tài liệu dự họp, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết cho cổ đông.	Ban tổ chức và Ban kiểm tra tư cách cổ đông
2	8h10' - 8h15'	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
II	Khai mạc cuộc họp		
3	8h15' - 8h20'	- Ôn định tổ chức chuẩn bị Đại hội, chào cờ. - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.	Ban Tổ chức
4	8h20' - 8h35'	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký. - Giới thiệu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu.	Ban Tổ chức
5	8h35' - 8h45'	- Thông qua nội dung: + Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. + Quy chế tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.	Thành viên Đoàn Chủ tịch
III	Nội dung chính của Đại hội		
6	8h45' - 9h45'	Trình bày các Báo cáo tại Đại hội - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.	Giám đốc, Chủ tịch Hội

		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả SXKD năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026. - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026. 	đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm soát
7	9h45' - 10h30'	<p>Trình bày các Tờ trình tại Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025. - Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025; kế hoạch năm 2026. - Tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS, Người phụ trách quản trị năm 2025 và Kế hoạch thù lao năm 2026. - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. - Tờ trình về Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030. - Tờ trình về Điều lệ Công ty; - Tờ trình về Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế công bố thông tin của Công ty 	Thành viên Đoàn Chủ tịch
9	10h30' - 11h05'	<p>Thảo luận & Biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu thảo luận các nội dung trong các Báo cáo, Tờ trình. - Đề nghị biểu quyết thông qua các nội dung trong các Báo cáo, Tờ trình. 	Thành viên Đoàn Chủ tịch, Cổ đông
IV	Thông qua Biên bản, Nghị Quyết và bế mạc Đại hội		
10	11h05' - 11h30'	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và biểu quyết Thông qua Biên bản Đại hội và Nghị quyết. - Tuyên bố bế mạc Đại hội. 	Thư ký Đại hội, Chủ tọa Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Quảng Trị, ngày tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đã được điều chỉnh, bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Văn bản pháp luật khác có liên quan;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình như sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi là "Đại hội") Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.
2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.
3. Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 4. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Được ban Tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

3. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả nội dung có trong chương trình Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

4. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết (trong đó có ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

5. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng. Trường hợp Ban kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thì cổ đông không có quyền biểu quyết. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết ở phần sau.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo giấy tờ sau:

a. CCCD/HC hoặc Giấy tờ tùy thân khác (nếu là cá nhân hoặc người được ủy quyền của cá nhân/tổ chức).

b. Bản sao công chứng Giấy CNĐKDN và CCCD/HC hoặc Giấy tờ tùy thân khác của người đại diện theo pháp luật (nếu là tổ chức).

Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách Cổ đông hoặc/và đại diện ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra tư cách Cổ đông.

2. Trường hợp Cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì Cổ đông đó khi tham dự Đại hội không được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử tại Đại hội nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành

nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Trường hợp Cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tọa và thành phần đoàn chủ tịch do Đại hội bầu bằng giơ thẻ biểu quyết.
2. Chủ tọa Đại hội có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Chủ trì, điều khiển Đại hội; Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
 - b. Quyết định của Chủ tọa Đại hội về vấn đề chính trị, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
 - c. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
 - d. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - e. Trả lời hoặc chỉ định thành viên Đoàn chủ tịch trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - f. Bất cứ lúc nào Chủ tọa có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác tại một địa điểm khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình khi Điều lệ này đã được Đại hội thông qua) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
 - Hoặc sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ;
 - g. Chủ tọa Đại hội có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử, được Đại hội thông qua bằng biểu quyết để giúp việc Đại hội. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa và Đại hội về nhiệm vụ của mình.

2. Ban Thư ký thực hiện công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, có nhiệm vụ:

a. Ghi chép, phản ánh trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung biên bản đối với diễn biến cuộc họp Đại hội, dự thảo các văn kiện, kết luận, và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước Đại hội về Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội (sau đây gọi tắt là Ban kiểm tra tư cách cổ đông) có 3 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên có chức năng và nhiệm vụ sau:

a. Kiểm tra tư cách dự họp của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông dựa trên các tài liệu mà họ xuất trình: Kiểm tra CCCD, Bản sao công chứng Giấy CNĐKKD, Giấy ủy quyền và các tài liệu kèm theo (nếu có);

b. Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của các cổ đông Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu của Đại hội;

c. Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và phát tài liệu của Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết;

b. Thực hiện việc đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;

c. Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua Đại hội;

d. Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa các vấn đề được lấy ý kiến thông qua Đại hội;

e. Báo cáo kết quả kiểm phiếu (Biên bản kiểm phiếu) trước Đại hội;

f. Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký Đại hội;

g. Cùng chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Thực hiện nhiệm vụ được giao khác.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội Cổ đông được tiến hành khi có số lượng cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để triệu tập cuộc họp Đại hội. Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo số lượng cổ đông tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo chương trình Đại hội được Ban tổ chức chuẩn bị và thông qua tại Đại hội.

3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội đồng ý. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông phát biểu ý kiến của mình.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình Đại hội đã thông qua. Nội dung ý kiến đề xuất của cổ đông không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá thẩm quyền của Doanh nghiệp. Chủ tọa có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận;

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không vượt quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Ban Thư ký Đại hội phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết:

a. Biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng việc giơ Thẻ biểu quyết;

b. Biểu quyết thông qua việc cử người ủy quyền tới dự họp, khi đó người được ủy quyền tham dự Đại hội và biểu quyết như hình thức cổ đông trực tiếp dự họp.

2. Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện có ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận, ngoại trừ nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc thông qua các vấn đề được quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020 phải đạt từ 65% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện có ủy quyền có mặt tại Đại hội.

4. Hình thức biểu quyết:

a. Cổ đông (hoặc người đại diện theo ủy quyền) biểu quyết từng nội dung trong chương trình Đại hội. Khi biểu quyết một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết lên cao; việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số phiếu biểu quyết tán thành, số phiếu biểu quyết không tán thành và số phiếu biểu quyết không có ý kiến.

b. Đối với từng vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến của Cổ đông theo trình tự: Tán thành, Không tán thành; Không có ý kiến. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành. Với từng vấn đề xin ý kiến biểu quyết, các cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần.

Điều 14. Biên bản và nghị quyết Đại hội

1. Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung của Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào biên bản. Biên bản phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Căn cứ Biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu bầu cử, Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã

được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp được lưu giữ tại trụ sở Công ty theo quy định.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 15. Trật tự Đại hội

1. Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức Đại hội.

2. Cổ đông có nhu cầu sao chép tài liệu, ghi âm phải đăng ký với Chủ tọa và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp có những thông tin sai lệch với nội dung Đại hội.

3. Giữ trật tự Đại hội, không sử dụng điện thoại di động trong quá trình họp. Tắt cả các máy điện thoại khi mang vào cuộc họp phải tắt máy hoặc để ở chế độ rung.

4. Chấp hành quy chế Tổ chức Đại hội và sự điều khiển cuộc họp của Chủ tọa.

Điều 16. Trường hợp tiến hành Đại hội không thành

1. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì việc triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các Cổ đông và các đại diện theo ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG V HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 5 chương, 17 Điều được Đoàn Chủ tịch Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình áp dụng, thông qua và có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

2. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

3. Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**T/M. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Phạm Đức Thái

Số: /BC-HĐQT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần
Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình năm 2025 và kế hoạch năm 2026**

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình (Công ty), lời đầu tiên tôi xin nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn sự hiện diện đông đủ của quý vị đại biểu, quý Cổ đông của Công ty đã dành thời gian quý báu để tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty ngày hôm nay.

Năm 2026 là năm bản lề tạo đà tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và quyết định trong việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ IV và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2026; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 của HĐND tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội năm 2026; có ý nghĩa then chốt, tạo nền tảng để đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc, tạo đà tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026 - 2030. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức: Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, khó lường có nhiều biến động như xung đột giữa Nga - Ukraine; tại Trung Đông, xung đột leo thang với các cuộc không kích giữa Mỹ, Israel - Iran vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, kéo dài gây ra hậu quả nghiêm trọng về kinh tế; Trong nước, là năm đầu tiên vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, trong giai đoạn chuyển tiếp, doanh nghiệp đang chịu không ít tác động, bỡ ngỡ về quản lý dịch vụ công ích do thay đổi đầu mối quản lý, thủ tục hành chính, cơ chế pháp lý... Chính vì vậy, doanh nghiệp phải đối mặt với những thách thức mới trong việc duy trì sự linh hoạt trong hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình đã bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ IV, xác định rõ những thuận lợi và thách thức, với sự quyết tâm của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty, sự hỗ trợ của các đối tác và sự tin tưởng của quý Cổ đông cũng như khách hàng đã và sẽ tạo điều kiện để Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình đạt được mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững.

Tại Đại hội lần này, thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin báo cáo đến toàn thể quý vị Cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2025, và các kế hoạch định hướng phát triển cho Công ty năm 2026. Cụ thể như sau:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, toàn thể Công ty đã nỗ lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và đạt được kết quả chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Hiệu quả sử dụng vốn: Tình hình tài chính Công ty ổn định, Công ty đã bảo toàn, phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (hệ số bảo toàn $H > 1$). Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Chủ sở hữu (ROE) đạt được ở mức 8,3%, cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra thì thu được 8,3 đồng lợi nhuận, Công ty đã sử dụng vốn chủ sở hữu, tài sản Nhà nước hiệu quả, phát huy được mức sinh lợi của vốn và tài sản sử dụng.

- Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	74.923	68.814	91,85
2	Lợi nhuận trước thuế	4.000	4.253	106
3	Nộp NSNN	4.500	5.944	132
4	Thu nhập bình quân của NLĐ	9,9	10,64	107
5	Nộp BHXH, YT, TN	100%	100%	100
6	Cổ tức	400	400	100

Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự, tăng năng suất lao động, bảo đảm thu nhập thỏa đáng và thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ QP-AN được chú trọng và thực hiện hoàn thành đạt kết quả tốt.

Hoạt động của các tổ chức chính trị, xã hội trong Công ty được quan tâm đúng mực theo đúng điều lệ của mỗi tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của Hội Đồng Quản trị

HĐQT Công ty đã hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, HĐQT đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, bám sát định hướng chiến lược và căn cứ vào tình hình thực tế đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời.

Với những cơ hội và thách thức từ vốn, cạnh tranh thị trường, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh... cũng như đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong quá trình kinh doanh của Công ty, trong năm 2025, các thành viên trong HĐQT Công ty đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả tốt trên các mặt hoạt

động của Công ty. HĐQT trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương, nghị quyết, quyết định và hỗ trợ Ban điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám Đốc phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong điều hành việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình, đồng thời phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của người lao động để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả hoạt động kinh doanh đã phản ánh sự nỗ lực lớn của toàn thể Công ty trong năm 2025.

Một số công việc chính:

HĐQT đã nghiên cứu đưa ra các định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ về SXKD vào đầu năm.

HĐQT đã chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào SXKD cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty.

HĐQT đã cùng Ban Giám đốc thảo luận, bàn bạc tình hình SXKD, các khó khăn, vướng mắc để đưa ra các định hướng, giải pháp kịp thời, hiệu quả.

HĐQT đã thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét BCTC, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, HĐQT cũng thẳng thắn nhìn nhận còn chưa chỉ đạo, lãnh đạo có hiệu quả SXKD (doanh thu chỉ đạt 91%).

Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên và cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Đức Thái	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Trương Công Định	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Lê Việt Hợp	Thành viên HĐQT	Điều hành
4	Đình Xuân Trường	Thành viên HĐQT	Điều hành
5	Nguyễn Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Không điều hành

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ do HĐQT đề ra phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và pháp luật hiện hành.

Với các chỉ tiêu SXKD năm 2025 đạt được như trên, HĐQT đánh giá Ban điều hành dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc đã cơ bản hoàn thành 5/6 chỉ tiêu năm 2025 được HĐQT giao.

Bên cạnh những mặt đạt được, Ban Giám đốc cũng còn một số hạn chế như doanh thu chưa đạt theo kế hoạch, chưa đưa ra được quy trình làm việc tối ưu; xử lý công việc nhiều khi chưa chủ động, chưa kịp thời.

4. Các định hướng, kế hoạch và giải pháp SXKD của HDQT

4.1. Định hướng và các chỉ tiêu

a) Định hướng

- Giữ vững vai trò lãnh đạo xuyên suốt, toàn diện của Đảng;
- Tiếp tục tiếp thu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, Đảng uỷ, UBND các Xã/Phường, tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của các Sở ngành trong tỉnh và các Phòng/Ban, Trung tâm của Xã/Phường để hợp đồng đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích.

- Xây dựng chiến lược về cung cấp các dịch vụ vệ sinh môi trường, quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước & xử lý nước thải.

- Tập trung cải tiến quy trình xử lý công việc.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Mở rộng địa bàn, các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế. Đẩy mạnh ứng dụng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

- Tiếp tục xây dựng tổ chức và bộ máy hoạt động của Công ty phù hợp với sự phát triển và đảm bảo hiệu quả.

- Xây dựng quan hệ lao động ổn định, hài hòa, tiến bộ. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ vì môi trường “Sáng hơn - Xanh hơn - Sạch hơn - Đẹp hơn”, xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững.

b) Chỉ tiêu SXKD

TT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch SXKD năm 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	72.500
2	Nộp ngân sách	Triệu đồng	6.250
3	Nộp BHXH- YT- TN	%	100
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.500
5	Chi trả cổ tức	Đồng/cổ phần	420

4.2. Một số giải pháp chủ yếu trong SXKD 2026

4.2.1. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, Chi bộ và đảng viên

- Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ IV nhiệm kỳ 2025-2030, trên cơ sở bám sát nhiệm vụ chính trị của đơn vị, toàn thể cán bộ, đảng viên, người lao động quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, cải thiện đời sống của cán bộ, đảng viên và người lao động, xây dựng hệ thống chính trị trong đơn vị ngày càng vững mạnh nhằm góp phần làm thay đổi bộ mặt, tạo nếp sống văn minh, để xứng đáng là thành phố “Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp” đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố Đồng Hới giàu đẹp, văn minh.

- Tập trung cao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo về công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

- Đẩy mạnh việc thực hiện mô hình “Đảng bộ cơ sở bốn tốt”, “Chi bộ bốn tốt”

- Tiếp tục thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đặc biệt là tiếp tục thực hiện chuyên đề năm 2024 của BCH Đảng Bộ Quảng Bình “ Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu, tận tâm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới vì sự nghiệp phát triển của quê hương đất nước” gắn với các phong trào thi đua yêu nước phải xác định là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá cán bộ đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, lấy hiệu quả công việc và uy tín làm thước đo chính. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thường xuyên vận động, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên có điều kiện tự học tập, tự rèn luyện, tự đào tạo mình để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề nhằm đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ đổi mới.

- Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đảng, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với chuyên môn.

-Tăng cường sự lãnh đạo, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát và chủ động ngăn ngừa những hạn chế, vướng mắc trong mỗi cán bộ, đảng viên của đơn vị; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, trong đơn vị; nâng cao chất lượng công tác sinh hoạt.

4.2.2. Xây dựng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026- 2030, bám sát các quan điểm chính: (1) Phát triển kinh tế tuần hoàn; (2) Tăng trưởng SXKD gắn liền với quản trị thông minh, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học- công nghệ tiên tiến vào sản xuất; (3) Đa dạng hóa về nguồn doanh thu (xem xét, nghiên cứu mở rộng các ngành nghề, dịch vụ mới có tiềm năng, lợi thế); (4) Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp tổ chức điều hành, triển khai, thực hiện theo hướng chuyên

ngành; (5) Từng bước đến năm 2030 khẳng định được vị thế của Công ty là doanh nghiệp chủ lực trong cung cấp dịch vụ lĩnh vực môi trường đô thị.

4.2.3. Đổi mới quản trị doanh nghiệp, tập trung lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

a) Tăng cường đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Xây dựng đề án, kế hoạch và thực hiện đầu tư, trang cấp thiết bị, mở rộng quy mô, phạm vi cung ứng dịch vụ trong đó tập trung cơ giới hóa thu gom, nâng cao năng lực vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh: Xây dựng cơ sở dữ liệu các lĩnh vực mà Công ty đảm nhiệm; Triển khai giám sát các tuyến đường thu gom rác và xe vận chuyển rác thải sinh hoạt; Tổ chức thu giá thu gom rác thải sinh hoạt qua tài khoản ngân hàng; Nâng cao hoạt động giám sát thu gom & xử lý nước thải bằng Scada, trạm quan trắc tự động; Tổ chức điều hành, quản lý vận hành hệ thống (Điện CSCP, TN & XLNT) bằng các trung tâm điều khiển thông minh.

- Xây dựng Doanh nghiệp phát triển bền vững và bảo vệ môi trường: xây dựng phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đã phân loại tại nguồn; Tổ chức sản xuất thử nghiệm, đánh giá hiệu quả nhằm đầu tư dự án sản xuất nhiên liệu thay thế từ các loại rác thải sinh thông thường và chất thải công nghiệp không nguy hại để cung cấp và sử dụng thử tại Nhà máy xi măng Sông Gianh của Tập đoàn SCG (Thái Lan) đảm bảo hiệu quả, mở rộng quy mô và nhân rộng mô hình.

- Tổ chức Quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Quản lý vận hành Bãi rác chung Đồng Hới - Bồ Trạch; Quản lý, vận hành Bãi rác xử lý phế thải xây dựng theo các hợp đồng ký kết, đảm bảo khối lượng và chất lượng đúng quy định.

- Tập trung xây dựng, phối hợp cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt đơn giá thu gom rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ thoát nước & XLNT; giá dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn đúng theo quy định hiện hành đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và khách hàng. Xây dựng đơn giá, dự toán quản lý vận hành, khai thác Nhà lưu trữ công vụ trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Tập trung xây dựng phương án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, giá dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đã phân loại tại nguồn đảm bảo thực hiện đúng Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, xây dựng Kế hoạch tài chính, Kế hoạch quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động;

các chế độ chính sách đối với người lao động đảm bảo đúng quy định cũng như theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

b) Kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường phát triển nguồn nhân lực

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện theo hướng chuyên môn hóa, rõ ràng, minh bạch.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung Điều lệ; Quy định thang lương, bảng lương, tiền lương; các nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đúng theo quy định, phù hợp với điều kiện của Công ty.

- Xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ, thủ tục hành chính đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện nhằm tiết kiệm thời gian, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo phương hướng, mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong Công ty từ Hội đồng quản trị đến Đơn vị sản xuất; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, đúng việc; tổ chức thực hiện công việc đúng quy trình của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác quản lý nguồn nhân lực, có kế hoạch phát triển năng lực và tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và rà soát, bổ sung quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ một cách đồng bộ và hiệu quả.

- Tập trung đào tạo, đào tạo lại nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động.

c) Nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu

- Xây dựng và kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân, Hội đồng nghiệm thu, Ban QLDA, Ban chỉ huy công trình,... cũng như các quy định của Công ty về công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, nghiệm thu và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng theo các quy định.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục đảm bảo cung cấp dịch vụ, sản phẩm tốt nhất.

- Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức và cán bộ, người lao động để tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân và bộ phận trong quá trình kiểm tra, giám sát và nghiệm thu.

- Tập trung công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy định pháp luật lao động, an toàn lao động, thời gian làm việc, các chế độ, chính sách đối với người lao động.

4.2.4. Phát huy dân chủ và nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức đoàn thể

- Không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể nhằm tham gia đóng góp tích cực, hiệu quả vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, chăm lo đời sống tinh thần, vật chất của người lao động; phát huy sức trẻ, sự sáng

tạo của đoàn viên; nâng cao tinh thần trách nhiệm của đoàn viên, người lao động. Tăng cường củng cố, phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng trong Công ty.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, Thỏa ước lao động tập thể nhằm phát huy quyền làm chủ của cổ đông, người lao động trong Công ty góp phần xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công ty, góp phần xây dựng công ty ngày càng vững mạnh.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Công đoàn, Đoàn thanh niên với Ban lãnh đạo, các các Phòng, ban, đơn vị sản xuất triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Công ty.

Trên đây là Báo cáo về hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025; phương hướng và chiến lược hoạt động SXKD của Công ty năm 2026, kính trình Đại hội.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

Số: /BC-MTĐT

Quảng Trị, ngày tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

(Báo cáo trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026)

Thực hiện Điều lệ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và xây dựng Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình năm 2026 như sau:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Trên cơ sở đặt hàng của UBND thành phố (cũ) về hoạt động cung ứng sản phẩm DVCI, Công ty đã khoán sản phẩm theo khối lượng cho các đơn vị sản xuất và thực hiện giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo từng tháng từ tổ đội... Công ty đã triển khai thực hiện đúng theo phương án đặt hàng, đảm bảo yêu cầu chất lượng phục vụ và đã được UBND thành phố (cũ) nghiệm thu; Công tác vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt ở các địa bàn khác và rác thải xây dựng được xử lý đúng quy trình, đảm bảo chất lượng và được nghiệm thu; Công tác thu giá dịch vụ và hoạt động tài chính đảm bảo hiệu quả. Từ những hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 đạt được những chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	74.923	68.814	91,85
2	Lợi nhuận trước thuế	4.000	4.253	106
3	Nộp NSNN	4.500	5.944	132
4	Thu nhập bình quân của NLĐ	9,9	10,64	107
5	Nộp BHXH, YT, TN	100%	100%	100
6	Cổ tức	400	400	100

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, mặc dù còn nhiều khó khăn về cơ chế, đơn giá và nguồn lực, Công ty đã tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ được giao, đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành và vượt kế hoạch nhiều chỉ tiêu quan trọng.

Trên cơ sở hợp đồng đặt hàng của UBND thành phố (cũ), Công ty đã khoán

sản phẩm theo khối lượng, tăng cường kiểm tra, giám sát và nghiệm thu theo tháng, đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng dịch vụ.

Giá trị thực hiện dịch vụ công ích đạt trên 104% kế hoạch.

Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đạt trên 106% kế hoạch.

Dịch vụ xử lý rác thải khu vực Bồ Trạch (cũ) đạt khoảng 92% so giá trị Hợp đồng ký kết, do nghiệm thu khối lượng theo thực tế. Tuy nhiên, vượt so với năm trước.

Lợi nhuận vượt kế hoạch, đạt khoảng 106%; Nộp ngân sách Nhà nước 132% vượt kế hoạch, thể hiện trách nhiệm và tinh tuân thủ pháp luật; Thu nhập bình quân người lao động đạt 10,6 triệu đồng/người/tháng, tiếp tục được cải thiện, đảm bảo đời sống và tạo động lực làm việc và nằm trong nhóm cao tại Quảng Trị trong lĩnh vực công ích, Cơ cấu thu nhập chủ yếu dựa vào khoán sản phẩm, chế độ làm thêm, phản ánh đúng năng suất lao động; Chi trả cổ tức: 400 đồng/cổ phần (100%), Tỷ lệ cổ tức thực tế đạt 4 % mệnh giá – mức hợp lý với doanh nghiệp công ích, đảm bảo cân đối giữa lợi nhuận giữ lại để tái đầu tư và chi trả cho cổ đông. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động Công ty đã vượt qua mọi khó khăn thách thức để hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: doanh thu chỉ đạt 91,82% kế hoạch đề ra; Chỉ đạo triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp trên đôi lúc chưa kịp thời; Một số đề án, dự án có tính mới, sáng tạo nhằm phát triển Công ty hơn nữa, đặc biệt liên quan đến ứng dụng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn chậm; Trong công tác điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ có lúc chưa năng động, quyết liệt, quy trình xử lý các công việc vẫn còn chậm đổi mới.

3. Tổ chức và nhân sự

3.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Ban điều hành	Chức vụ
1	Trương Công Định	Giám đốc
2	Lê Viết Hợp	Phó Giám đốc
3	Đình Xuân Trường	Kế toán trưởng

3.2. Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty:

+ Tổng số lượng lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2025 là 237 người

+ Cơ cấu trình độ lao động tại Công ty:

STT	Phân loại lao động	Số lượng	Tỷ lệ
-----	--------------------	----------	-------

		(người)	(%)
I	Phân theo giới tính	237	100
1	Nam	94	39,6
2	Nữ	143	61,4
II	Phân theo trình độ lao động	237	100
1	Trình độ Thạc sỹ	14	5,9
2	Trình độ Đại học	46	19,4
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	37	15,6
4	Trình độ phổ thông, tay nghề	140	59,1

3.3. Chính sách đối với người lao động

- Công ty thực hiện đầy đủ về BHXH, BHYT, BHTN, tạo điều kiện cho người lao động tham gia hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ...

- Công ty đã giải quyết việc làm cho lao động với mức thu nhập ổn định, thực hiện tốt các chế độ chính sách Nhà nước quy định đối với người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước.

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực: Với phương châm nhân lực là nguồn lực quan trọng nhất tạo nên thành công cho Doanh nghiệp, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực với các chính sách đào tạo, tuyển dụng người tài nhằm chọn được những cá nhân tốt nhất cũng như xây dựng được một tập thể vững mạnh. Khuyến khích, tạo điều kiện người lao động tham gia học tập các lớp học, khóa học do các trường đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, hiểu biết về xã hội.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Trong năm 2026, Tổ chức bộ máy của Công ty hoạt động ổn định, không có biến động lớn. Công ty đã rà soát, điều động bổ nhiệm, tuyển dụng nhân sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức ổn định, tinh giảm gọn nhẹ, nâng cao ý thức trách nhiệm với công việc của cán bộ, nhân viên trong Công ty.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

5.1. Mục tiêu tổng quát

- Tăng trưởng sản lượng hoặc doanh thu, hiệu quả – bám sát định hướng phát triển đô thị sáng, xanh, sạch, thông minh.

- Mở rộng phạm vi, quy mô cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích và dịch vụ thương mại hóa.

- Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong vận hành, kiểm

soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

- Xây dựng doanh nghiệp môi trường kiểu mẫu – minh bạch – hiện đại, đi đầu trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm DVCI.

5.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và nhận định tình hình kinh tế xã hội trong, ngoài nước và địa phương. Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch SXKD năm 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	72.500
2	Nộp ngân sách	Triệu đồng	6.250
3	Nộp BHXH- YT- TN	%	100
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.500
5	Chi trả cổ tức	Đồng/cổ phần	420

6. Các định hướng và nhiệm vụ chủ yếu trong SXKD năm 2026

6.1. Tổ chức triển khai các chủ trương, nghị quyết, văn bản của Đảng các cấp, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

- Quán triệt, triển khai đầy đủ các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cán bộ, đảng viên, người lao động.

- Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với các phong trào thi đua yêu nước phải xác định là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài.

- Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường chế độ lãnh đạo tập thể đi đôi với phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong Công ty.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất của các phòng/ban, tổ/đội, cá nhân gắn với công tác xây dựng Đảng và chủ động ngăn ngừa những hạn chế, vướng mắc trong mỗi cán bộ, người lao động của Công ty.

- Đánh giá cán bộ đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, lấy hiệu quả công việc và uy tín làm thước đo chính. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thường xuyên vận động, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động có điều kiện tự học tập, tự rèn luyện, tự đào tạo mình để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề nhằm đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

6.2. Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tập trung lãnh đạo, điều hành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

6.2.1. Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

- Tổ chức quản lý, điều hành thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu như: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; Quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Quản lý vận hành Bãi rác chung Đồng Hới - Bồ Trạch; Bãi rác xử lý phế thải xây dựng; Quản lý, khai thác nhà lưu trú công vụ theo các hợp đồng ký kết, đảm bảo khối lượng và chất lượng đúng quy định.

- Mở rộng quy mô, phạm vi cung ứng sản phẩm, dịch vụ, đầu tư, trang cấp thiết bị nâng cao năng lực vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2026 – 2030, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở các quy định tại Luật Quản lý và Đầu tư vốn nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và các Nghị định hướng dẫn, văn bản có liên quan của Chính phủ, của tỉnh đảm bảo mục tiêu tăng trưởng sản lượng hoặc doanh thu.

- Triển khai Kế hoạch số 73-KH/ĐU ngày 30/12/2025 của Đảng ủy Công ty về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57 – NQ/TW của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Công ty trong quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2025 – 2030: Triển khai giám sát các tuyến đường thu gom rác và xe vận chuyển rác thải sinh hoạt (Bước 1: Lắp đặt thiết bị, xây dựng điểm tập kết thông minh); Tổ chức thu giá thu gom rác thải qua tài khoản ngân hàng; Đầu tư xe máy chuyên dùng có công nghệ hiện đại để thu gom, vận chuyển.

- Xây dựng Doanh nghiệp phát triển bền vững và bảo vệ môi trường: Triển khai mô hình thí điểm thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt đã phân loại tại nguồn có hiệu quả trên địa bàn hoạt động; Hoàn thành giai đoạn đầu tư và triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh Dự án sản xuất thử nghiệm nhiên liệu thay thế từ tái chế rác thải sinh hoạt tại Bãi rác chung Đồng Hới – Bồ Trạch và nhân rộng mô hình tại Bãi rác thải đóng cửa, ngừng hoạt khác.

- Tổ chức, thực hiện đầu tư, mua sắm theo Kế hoạch thực hiện mua sắm nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, thi công xây dựng, dịch vụ tư vấn phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, người lao động của Công ty là bước quan trọng chiến lược phát triển và mở rộng ngành nghề, lĩnh vực Công ty có lợi thế nhằm mục tiêu tăng cường nhận diện thương hiệu, nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí dài hạn, mở rộng quy mô kinh doanh, đáp ứng phát triển nhân sự.

- Tập trung xây dựng, trình phê duyệt phương án đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đúng theo quy định hiện hành; Xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước & Xử lý nước thải sinh hoạt; Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn SXKD trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, xây dựng Kế hoạch tài chính, Kế hoạch quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động; các chế độ chính sách đối với người lao động đảm bảo đúng quy định cũng như theo quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện khởi kiện để thu hồi công nợ các đơn vị như VNP, Công ty TNHH Khôi Nguyên, ...

- Thực hiện công khai, minh bạch công bố các thông tin trên sàn chứng khoán về báo cáo tài chính, kết quả SXKD và hiệu quả quản trị doanh nghiệp đảm bảo đúng theo quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện Hồ sơ năng lực Công ty trên mạng hệ thống đấu thầu Quốc gia; Nghiên cứu phương án sử dụng máy móc, thiết bị công trình có hiệu quả, đầu tư phát triển các ngành nghề thi công xây dựng.

- Kết hợp sản xuất kinh doanh – quốc phòng, an ninh nhằm bảo đảm an ninh trật tự an toàn trên địa bàn hoạt động sản xuất, an ninh chính trị. Nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch huấn luyện dân quân tự vệ, báo cáo công tác quân sự - quốc phòng định kỳ theo quy định. Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cứu hộ, phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn lao động an toàn giao thông, bảo vệ vật chất cơ sở.

6.2.2. Công tác tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành theo hướng chuyên môn hóa, có sự kết hợp chặt chẽ, hoạt động có hiệu quả và điều động, bố trí nhân sự phù hợp. Nghiên cứu và phát triển bộ phận kinh doanh, vật tư, chăm sóc khách hàng nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, sửa đổi quy định thang lương, bảng lương, tiền lương; các nội quy, quy chế của Công ty đảm bảo đúng theo quy định, phù hợp với điều kiện của Công ty nhằm xử lý công việc công khai, minh bạch có hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đảm bảo phát triển nguồn lực kế cận đáp ứng chiến lược phát triển lâu dài theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ và người lao động của Công ty.

- Nâng cao công tác đào tạo lại tay nghề cho người lao động và được đào tạo chuyên sâu đủ năng lực đáp ứng công nghệ khoa học, nhu cầu mở rộng và đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của từng phòng, ban, bộ phận; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, đúng việc; tổ chức thực hiện công việc đúng quy trình của Công ty, có kế hoạch phát triển năng lực cho công nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý một cách đồng bộ và hiệu quả.

- Xây dựng quy trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành nhằm tiết kiệm thời gian, tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.2.3. Nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu

- Xây dựng và kiện toàn Thanh tra nhân dân, Hội đồng nghiệm thu, Ban QLDA, Ban chỉ huy công trình,... của Công ty về công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ và nghiệm thu đúng theo quy định đảm bảo nguyên tắc các khối lượng nghiệm thu phải được chính xác đúng theo thực tế.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục đảm bảo cung cấp dịch vụ, sản phẩm tốt nhất.

- Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức và cán bộ, người lao động để tiến hành kiểm tra, giám sát nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân và bộ phận trong kiểm tra, giám sát và nghiệm thu.

- Tập trung công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy định pháp luật lao động, an toàn lao động, thời gian làm việc, các chế độ, chính sách đối với người lao động.

6.3. Phát huy dân chủ và nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức đoàn thể

- Không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể; tham gia đóng góp tích cực, hiệu quả vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, chăm lo đời sống tinh thần, vật chất của người lao động, phát huy sức trẻ, sự sáng tạo của đoàn viên. Tăng cường củng cố, phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết gắn với đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng trong Công ty.

- Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của cổ đông, người lao động trong Công ty.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong Công ty, góp phần xây dựng công ty ngày càng vững mạnh.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Công đoàn, Đoàn thanh niên với Ban lãnh đạo, các các Phòng, ban, đơn vị sản xuất triển khai hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Công ty.

6.4. Kế hoạch chi trả cổ tức 2026

Chi trả cổ tức 1 lần/năm vào dịp sau Đại hội cổ đông thường niên, chậm nhất là 01 tháng.

Căn cứ việc chi trả cổ tức năm 2025, Công ty phấn đấu chi trả cổ tức năm 2026 bằng 420 đồng/cổ phiếu.

Trên đây là Báo cáo của Ban Giám đốc về hoạt động kinh doanh Công ty năm 2025 và Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2026 trình bày trước Đại hội, xin ý kiến của Đại hội./.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Số: /2026/MQB/BC-BKS
DỰ THẢO

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO
kết quả hoạt động của Ban kiểm soát
tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường
và phát triển đô thị Quảng Bình năm 2026

Kính thưa Đoàn Chủ tịch;

Kính thưa các quý vị cổ đông;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội Việt Nam thông qua ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 16/02/2017; Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 20/04/2019; Điều lệ tổ chức và sửa đổi bổ sung lần thứ 2 được thông qua ngày 23/4/2021 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 16/02/2017 và điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được thông qua ngày 23/4/2021 tại đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo kiểm toán năm 2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc tế; báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc;

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của mình theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2025. Thay mặt Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

Phần I

KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Ban kiểm soát gồm các thành viên sau (trong năm 2025 không có thay đổi)

1. Bà: Phạm Thị Mỹ Thủy - Trưởng ban.
2. Bà: Trương Thị Thu Loan - Thành viên
3. Bà: Nguyễn Thị Hồng Yến - Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ Luật Doanh nghiệp, thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở phù hợp Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Nội bộ, và đảm bảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

- Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra giám sát nhiệm kỳ, giám sát năm, tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc bổ sung, điều chỉnh các quy chế của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, mức độ cẩn trọng trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

- Kiểm tra báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty; kiểm tra các bộ phận sản xuất của Công ty về hoạt động sản xuất thường xuyên, thực hiện các chế độ cho người lao động, phân chia tiền lương, các chi phí sản xuất khác.....theo kế hoạch kiểm tra thường xuyên của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra, giám sát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban Kiểm soát đã có những ý kiến tham gia đóng góp cho HĐQT về các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành Công ty.

- Phối hợp thường xuyên giữa các thành viên Ban Kiểm soát, giữ mối quan hệ với HĐQT và Ban giám đốc Công ty.

- Lập báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông về yêu cầu xem xét hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý, điều hành Công ty.

III. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 gồm có 05 thành viên được bầu tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 (đến nay không có sự thay đổi nào)

- | | | |
|--------------------------|---|-----------------|
| 1 Ông : Phạm Đức Thái | - | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông : Trương Công Định | - | Thành viên HĐQT |
| 3 Ông : Lê Việt Hợp | - | Thành viên HĐQT |
| 4 Ông : Nguyễn Đức Dũng | - | Thành viên HĐQT |
| 5 Ông : Đinh Xuân Trường | - | Thành viên HĐQT |

Ông Phạm Đức Thái được UBND Tỉnh Quảng Bình ủy quyền đại diện phần vốn nhà nước và ứng cử bầu lại chức danh Chủ tịch HĐQT tại Công ty tại Cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình theo Quyết định số 536/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Bình ký ngày 28/02/2022 .

- HĐQT đã lập phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế Công ty trên cơ sở phương hướng sản xuất kinh doanh được đại hội cổ đông năm 2025 thông qua ngày 25/4/2025.

- Hợp đồng số 11/HĐKT ngày 06/5/2025 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/07/2025 Về việc cung cấp sản phẩm dịch vụ công: Dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng và Dịch vụ chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Hới năm 2025 trị giá 29,322 tỷ đồng.

- Hợp đồng số 15/HĐNT ngày 20/6/2025 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ ngày 15/07/2025 giữa Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Đồng Hới và Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình về việc đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước: Dịch vụ thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố Đồng Hới năm 2025 trị giá 12,051 tỷ đồng (Giá và KL tạm tính như năm 2024)

- So với năm 2024 thời gian ký các Hợp đồng cung cấp dịch vụ công ích đã được cải thiện, tuy nhiên do ảnh hưởng việc sáp nhập, thay đổi hệ thống hành chính cấp Huyện nên các thủ tục nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành còn chậm ảnh hưởng không nhỏ đến điều hành sản xuất kinh doanh, cũng như nguồn vốn của công ty trong năm 2025.

- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT có đầy đủ các thành viên tham gia, có đầy đủ biên bản, Nghị quyết được ban hành đúng trình tự, thủ tục, các hoạt động điều hành của HĐQT đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.

- HĐQT chủ động điều hành các chiến lược, quyết sách trong hoạt động của Công ty; giám sát chặt chẽ, chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ đặc biệt được chú trọng, luân

chuyên, bố trí, quy hoạch cán bộ phù hợp chuyên môn, sở trường nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực trong Công ty.

Trong năm 2025, Công ty được đã hợp tác với Công ty SEE Quảng Bình triển khai sản xuất thí điểm vật liệu RDF ...về tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có như phế thải xây dựng, rác thải, các lò thử nghiệm đang trong quá trình điều chỉnh đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu bên đặt hàng. Các hợp đồng vận chuyển rác của huyện Quảng Ninh, Bố Trạch.... gặp khó khăn do ảnh hưởng chủ trương của Nhà nước về chấm dứt hoạt động cấp huyện, việc nghiệm thu thanh toán trong giai đoạn chuyển giao gặp không ít bất cập, HĐQT đã có quyết sách về điều chỉnh các chủ thể hợp đồng để tiếp tục thực hiện hợp đồng và hoàn thành thanh toán khối lượng đã thực hiện trong giai đoạn chuyển giao, sáp nhập, chuyển đổi chủ thể hợp đồng.

- Ban Kiểm soát chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT.

- HĐQT cung cấp đầy đủ thông tin, báo cáo, phối hợp thực hiện công việc đúng quy định và yêu cầu của ban kiểm soát.

2. Hoạt động của Ban Giám đốc

- Trong năm 2025, Ban giám đốc có 2 thành viên giữ nguyên thành phần và chức năng nhiệm vụ đã được phân công từ năm 2021, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT trong điều hành sản xuất kinh doanh khá hiệu quả, đem lại kết quả kinh doanh năm 2025 hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản.

- Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và xây dựng kế hoạch năm 2026, cũng như công tác kế toán, tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

- Ban Giám đốc đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Ban kiểm soát đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc trong việc điều hành Công ty, tuy nhiên cần linh hoạt và có nhiều giải pháp phù hợp, đặt ra các phương án định kỳ cho quý, năm hợp lý, đề xuất thêm các biện pháp mang tính đột phá, táo bạo có tính thuyết phục nhằm giúp HĐQT ra các quyết sách phù hợp. Cần phối hợp nhịp nhàng hơn giữa các bộ phận điều hành, thực hiện, xử lý các vướng mắc một cách nhanh chóng, hiệu quả nhất.

- Ban Kiểm soát chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động quản lý, điều hành của Ban Giám đốc, không xảy ra tranh chấp hay xung đột với những người có liên quan.

3. Công tác điều hành của Chủ tịch HĐQT

Ban kiểm soát đánh giá cao các quyết sách của Chủ tịch HĐQT trong điều hành hoạt động của HĐQT, trong công tác giám sát các mặt hoạt động của Công ty và giám sát công tác điều hành của Giám đốc, đã thực hiện phê chuẩn các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức bộ máy; bổ nhiệm, điều chuyển và sắp xếp cán bộ; về đầu tư trang thiết bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật; về thanh toán các chế độ tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành công ty.

Ngày 25/4/2025 Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua phương án sản xuất kinh doanh năm 2025 các chỉ tiêu về lao động, tiền lương, nộp ngân sách nhà nước, và kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh.

Với nhiệm vụ và tiêu chí đặt ra, trong năm qua Chủ tịch Công ty đã điều hành thực hiện nhiệm vụ cụ thể đạt được:

- Công ty thực hiện chế độ tài chính, thu nộp ngân sách, phân phối thu nhập, trích và sử dụng các quỹ, chế độ tiền lương, tiền thưởng năm 2025

+ Nộp ngân sách năm 2025: 5,94 tỷ đồng vượt 131% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 3,366 tỷ đồng tăng 101,59% so với năm 2024 được phân phối như sau:

* Trích quỹ đầu tư phát triển: 336.600.000 đồng (10%)

* Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.357.457.000 đồng (40,33%)

* Trích quỹ KT BQL, điều hành, TBKS: 201.978.000 đồng (6,00 %)

* Trích lợi nhuận còn lại chia cổ tức: 1.470.270.000 đồng (43,67%)

4. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2025

4.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Với các chỉ tiêu đặt ra từ Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 Công ty đã đạt những kết quả như sau:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2025

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025 (1000 đồng)	Thực hiện 2024 (1000 đồng)	So sánh 2025/2024	
				Tuyệt đối (1000 đồng)	Tương đối (%)
1	Tổng doanh thu	68.814.322	69.373.847		
	Doanh thu bán hàng CCDV		67.840.253		
	Doanh thu HĐTC	1.473.171	1.434.669		

	Thu khác	1.114.076	98.925		
2	Tổng chi phí Trong đó: Giá vốn hàng bán (chưa bao gồm chi phí HĐTC)	53.024.873	53.741.054		
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	4.252.684	4.184.982		
4	Tổng lợi nhuận thuần sau thuế	3.366.304	3.313.748		
5	Nộp ngân sách NN		4.945.065		
6	Tổng tài sản	86.260.850	85.164.129		
7	Nợ phải trả	30.535.116	26.696.429		
8	Hao mòn TSCĐ	4.966.963	5.446.225		
9	Nguồn vốn CSH	36.756.750	36.756.750		
10	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	916	901	Lãi chung phân phối	

Một số chỉ tiêu đánh giá cơ bản năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025
1	Cơ cấu tài sản: - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	lần lần	0,2718 0,7281
2	Cơ cấu nguồn vốn: - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn - Giá trị ròng VCSH (Tổng tài sản-Tổng nợ phải trả)	lần lần 1000đ	0,3539 0,5056 55.725.734
3	Khả năng thanh toán: - Khả năng thanh toán nhanh: $Rq [(TS \text{ lưu động \& } \text{ĐT ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho})/\text{Nợ ngắn hạn}]$ - Khả năng thanh toán hiện hành: $(TS \text{ lưu động}/\text{nợ ngắn hạn})$	lần lần	2,0601 2,2010
4	Tỷ suất lợi nhuận: - Tổng lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản - Tổng lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tổng lợi nhuận sau thuế/NV chủ SH	lần lần lần	0,0390 0,0508 0,0771
5	Bảo toàn vốn: Vốn CSH năm 2025/Vốn CSH năm 2024	lần	0,9860

4.2 Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị công ty năm 2025

- Chế độ kế toán Công ty áp dụng: Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ Tài chính, và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung được lập trình trên máy vi tính.

- Công tác kế toán thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành, tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Công ty TNHH kiểm toán và định giá Quốc tế thực hiện soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình xác nhận: "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính".

- Việc lập, ghi chép, luân chuyển, lưu trữ chứng từ đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, hợp lệ. Hệ thống sổ sách rõ ràng, số liệu phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định hiện hành, đáp ứng yêu cầu về quản lý. Các chỉ tiêu cơ bản theo báo cáo tài chính năm 2025.

- Chi phí sản xuất kinh doanh được tính đúng, tính đủ, hạch toán đúng khoản mục chi phí.

- Thực hiện báo giá, chọn chủng loại vật liệu phù hợp, ký kết hợp đồng mua vật tư và các hợp đồng kinh tế khác đúng quy định.

- Quản lý vật tư chặt chẽ, xuất vật tư đúng đối tượng, khoản mục. Thực hiện kiểm kê toàn bộ vật tư, tài sản cuối năm.

- Tài sản cố định được theo dõi theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được quản lý chặt chẽ, thực hiện trích khấu hao theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng để có kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa lớn kịp thời.

- Doanh thu và thu nhập khác được hạch toán đúng đối tượng, kịp thời, phù hợp với các quy định hiện hành.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Công ty đã căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác.

- Thực hiện khoán nội bộ đến từng đơn vị trực thuộc, hàng tháng tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, có cơ chế thưởng phạt rõ ràng minh bạch tạo tính công bằng và khích lệ người lao động.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHCĐTN năm 2025 như sau:

- + Doanh thu đạt 68,81 tỷ đồng so với kế hoạch 74,92 tỷ đồng đạt 91,84%
- + Lợi nhuận trước thuế 4,25 tỷ đồng so với kế hoạch 4.0 tỷ đồng đạt 106,25%
- + Nộp Ngân sách Nhà nước 5,94 tỷ đồng so với kế hoạch 4,5 tỷ đồng đạt 131%
- + thu nhập bình quân người lao động đạt 10,5 triệu đồng/người/tháng so với kế hoạch 9,8 triệu đồng/ người/ tháng đạt 107%
- + Vốn chủ sở hữu cơ bản được bảo toàn đạt mức 98,6%.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Các thành viên trong ban kiểm soát đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đã thực hiện kiểm tra trung thực khách quan, đã có những góp ý, kiến nghị, đề nghị sửa chữa sai sót (nếu có) trong các đợt kiểm tra và trong công tác kiểm tra thường xuyên, không bỏ qua các yếu tố vi phạm.

Với điều kiện hoạt động kinh doanh có nhiều thay đổi, nên các thành viên Ban kiểm soát cần tăng cường cập nhật kịp thời các văn bản, các chế độ kế toán, các chính sách thuế mới, các thủ tục đối với công ty đại chúng... đáp ứng yêu cầu công tác.

Thường xuyên trao đổi kinh nghiệm giữa các thành viên trong Ban và các đơn vị cùng mô hình hoạt động, đề xuất tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ nâng để hoàn thiện và nâng cao năng lực kiểm tra hơn nữa trong thời gian tới.

Thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các thành viên trong Ban kiểm soát, tăng cường phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Chủ tịch hội đồng quản trị để thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đã đề ra.

Kiến nghị

HĐQT cần có những quyết sách nhanh nhạy phù hợp với điều kiện công ty và tình hình thực tế.

Ban giám đốc cần xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý phù hợp với phương thức điều chỉnh hợp đồng dịch vụ công ích theo từng giai đoạn cũng như tình hình thực tế phát sinh của công ty nhằm đảm bảo đạt các chỉ tiêu theo Nghị quyết Hội đồng cổ đông đã đề ra.

Nhân rộng mô hình cơ giới hóa về thu gom rác nội thành, tăng cường mở rộng địa bàn vận chuyển các khu vực lân cận, phát triển ngành nghề phù hợp tạo

thêm doanh thu, tăng thu nhập cho người lao động, điều chỉnh hệ thống thang, bảng lương cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

Hạn chế tối đa nợ xấu, đẩy nhanh công tác thu hồi nợ đọng, tiếp tục xử lý công nợ theo đúng trình tự, thủ tục pháp lý cao nhất, gắn trách nhiệm thu hồi công nợ vào các phòng chuyên môn theo đúng chức năng nhiệm vụ được phân công, đảm bảo nguyên tắc dư nợ cuối kỳ thấp hơn dư nợ đầu kỳ.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ đúng năng lực, chuyên môn, phù hợp thực tế và nhu cầu phát triển của công ty.

Để nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro, đề nghị HĐQT và Ban Giám đốc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát sản phẩm dịch vụ, tiếp tục thực hiện cơ chế công bố thông tin theo nguyên tắc minh bạch hóa giữa HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và các cổ đông đảm bảo hoạt động của Công ty được quản trị theo đúng quy định hiện hành.

Phần II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Kế hoạch hoạt động năm 2026

1.1 Nhiệm vụ chung

Ban kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bám sát Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của BKS để duy trì hoạt động kiểm soát định kỳ với mục tiêu ngăn ngừa là chính, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển, đáp ứng lợi ích của người lao động và cổ đông.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới HĐQT, BGD điều hành và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước ít nhất là 01 tuần. Ngoài ra nếu có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty Ban kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với HĐQT và báo cáo ĐHCĐ.

1.2. Nhiệm vụ cụ thể

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý. Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành.

- Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Kiểm soát các báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm và các báo khác của Công ty.

- Đại diện Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, và các Hội nghị triển khai, điều hành công tác SXKD..... báo cáo quá trình quản lý Công ty của HĐQT và quá trình điều hành của BGĐ. Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra, kịp thời đề xuất xử lý các sai sót (nếu có) thuộc thẩm quyền của BKS, khi vượt quá thẩm quyền xử lý, BKS kiến nghị, báo cáo cấp trên trực tiếp để chỉ đạo phương án xử lý.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế trả lương, thưởng, các khoản thanh toán cho người lao động, các khoản chi phí khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý cho từng thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo kiểm soát một cách có hiệu quả hoạt động quản trị và quản lý điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

2. Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2026 – 2030

2.1. Mục tiêu chiến lược giai đoạn 5 năm

- Đảm bảo tính tuân thủ pháp luật: Giám sát việc thực hiện các quy định mới nhất như Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định về quản trị công ty niêm yết.

- Minh bạch hóa tài chính: Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị kiểm toán độc lập để đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình kinh doanh của công ty.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác kiểm soát

- Giám sát Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành: Theo dõi việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), đảm bảo các quyết định lớn được thảo luận dân chủ và cẩn trọng.

- Kiểm tra, Thẩm định hệ thống kiểm soát nội bộ: Thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ để đánh giá và kiến nghị khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quy trình vận hành.

- Quản trị rủi ro: Tập trung giám sát các giao dịch với bên liên quan, rà soát các hợp đồng lớn và kiểm soát chặt chẽ an toàn vốn, đặc biệt trong các lĩnh vực có rủi ro cao như đầu tư dự án.

2.3. Kế hoạch hoạt động cụ thể:

Năm 2026-2027: Đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát theo kế hoạch nhiệm kỳ 2022-2027 đã đề ra. Chuẩn bị công tác chuyển giao nhiệm kỳ, đề xuất xây dựng phương án nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2027 – 2032. Kiện toàn bộ máy, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và xây dựng quy chế phối hợp với HĐQT/Ban Điều hành.

Năm 2028-2029: Tiếp tục hoàn thiện quy chế phối hợp, tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề về hiệu quả sử dụng vốn, tiến độ các dự án trọng điểm, kiểm tra các bộ phận sản xuất; ứng dụng công nghệ trong công tác giám sát.

- Năm 2030: Tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên, kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra đột xuất nếu nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm nhằm phòng tránh rủi ro sớm nhất. Tổng kết đánh giá kết quả hoạt động giai đoạn 5 năm.

2.4. Giải pháp nâng cao năng lực kiểm soát

- Đào tạo nhân sự: Không ngừng bồi dưỡng nghiệp vụ cho thành viên BKS về các chuẩn mực kế toán/kiểm toán và quy định pháp luật mới.

- Công nghệ hóa: Cập nhật các ứng dụng, các phần mềm quản lý rủi ro và giám sát giao dịch tự động để tăng tính kịp thời.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025, Kế hoạch hoạt động năm 2026 và kế hoạch giai đoạn 2026-2030 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình thông qua.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp. Trân trọng cảm ơn!

**TM/BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, Ban GD;
- Thành viên BKS;
- Lưu BKS, VT.

Phạm Thị Mỹ Thủy

Số: /TTr - HĐQT

Quảng Trị, ngày 07 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026 và ủy quyền cho HĐQT ký hợp đồng với Công ty kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài chính; UBCK Nhà nước hàng năm về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua việc Lựa chọn tổ chức kiểm toán BCTC năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn

Là Công ty kiểm toán được Bộ Tài chính; UBCK Nhà nước chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Có năng lực đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Dựa trên những tiêu chí trên, kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn và ký kết hợp đồng với một trong số các Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 theo các Quyết định của Bộ Tài chính và UBCK Nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; TCKT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Số: /TTr - HĐQT

Quảng Trị, ngày 07 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch quỹ tiền lương năm 2026, Chiến lược phát triển đến năm 2030; kế hoạch SXKD và ĐTPT giai đoạn 2026-2030 như sau:

1 – Kết quả SXKD; phân phối lợi nhuận năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	74.923,0	68.814,2	91,8
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.000,0	4.253,0	106,3
3	Nộp NSNN	Tr.đồng	4.500,0	5.957,0	132,0
4	Chi trả cổ tức	%	4,0	4,0	100,0
5	Phân phối lợi nhuận năm 2025		3.200,0	3.366,3	105,2
5.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	Tr.đồng		336,6	10,0
5.2	Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	Tr.đồng		1.357,5	43,7
5.3	Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty; Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng		201,9	40,3
5.4	Chi trả cổ tức	Tr.đồng		1.470,2	6,0

- Tỷ lệ chia cổ tức (%) năm 2025: 4,0%/Cổ phần.

- Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước.

2 – Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	72.500

2	Lợi nhuận trước thuế		4.500
3	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp	Triệu đồng	6.250
4	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	43.851
5	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	8,9
6	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,2
7	Tỷ lệ Nợ phải trả/VCSH	%	0,7
8	Chi trả cổ tức (đồng/cổ phần)	Đồng	420

3 – Quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng kế hoạch năm 2026

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và Ban điều hành: 33.880.176.000 đồng. (trong đó: Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 31540176000 đồng; Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành: 2.340.000.000 đồng)

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 1.212.000.000 đồng.

- Quỹ tiền thưởng trực tiếp kế hoạch của người lao động: 5.256.696.000 đồng.

4 – Chiến lược phát triển đến năm 2030; kế hoạch SXKD và ĐTPT giai đoạn 2026-2030:

Chiến lược phát triển đến năm 2030 cùng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 là cần thiết để định hướng rõ ràng cho hoạt động dài hạn của công ty. Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh, yêu cầu về dịch vụ chất lượng cao và áp lực nâng cao hiệu quả tài chính ngày càng tăng, chiến lược dài hạn sẽ giúp công ty xác định mục tiêu phát triển, phân bổ nguồn lực hợp lý, đồng thời triển khai các dự án đầu tư trọng điểm. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư giai đoạn 2026-2030 sẽ cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược thành các chỉ tiêu kinh tế, dự án, giải pháp quản trị và nâng cấp hạ tầng, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị cho cổ đông trong tương lai.

5 – Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

Điều lệ công ty được sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo sự phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Công ty đang triển khai chiến lược phát triển mới với định hướng mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh, Điều lệ hiện hành đã bộc lộ một số nội dung không còn phù hợp. Do đó, việc sửa đổi Điều lệ là cần thiết nhằm hoàn thiện khung quản trị nội bộ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Trên đây là một số nội dung chính về Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; TCKT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

Số: /TTr - HĐQT

Quảng Trị, ngày 07 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc Tế ký ban hành tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 12/2025/BCTC/LAV ngày 30/3/2026.

Bản Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán được đăng tải thông tin tại các trang thông tin sau:

- Website Công ty tại địa chỉ: <http://urencoquangbinh.com.vn>.
- Ủy ban chứng khoán nhà nước tại địa chỉ: <http://www.ssc.gov.vn>.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại địa chỉ: <http://www.hnx.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP; TCKT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

Số: /TTr - HĐQT

Quảng Trị, ngày tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2025 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động đã được bổ sung, điều chỉnh và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 23/4/2021;

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình Báo cáo mức chi trả thù lao năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty như sau:

I. Thông qua mức chi trả thù lao năm 2025:

1. Mức thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị:

- Số thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên.
- Chủ tịch HĐQT: 1.500.000đồng/ tháng.
- Thành viên HĐQT: 1.200.000 đồng/người/tháng.

2. Mức thù lao hàng tháng của Ban kiểm soát:

- Số thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên.
- Trưởng BKS: 1.200.000 đồng/tháng.
- Thành viên BKS: 800.000 đồng/người/tháng.

3. Mức thù lao hàng tháng của Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty:

- Số Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty: 01 người.
- Mức thù lao: 1.000.000 đồng/người/tháng.

II. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2026:

1. Mức thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị:

- Số thành viên Hội đồng quản trị: 05 thành viên.

- Chủ tịch HĐQT: 1.500.000đồng/ tháng.
- Thành viên HĐQT: 1.200.000 đồng/người/tháng.

2. Mức thù lao hàng tháng của Ban kiểm soát:

- Số thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên.
- Trưởng BKS: 1.200.000 đồng/tháng.
- Thành viên BKS: 800.000 đồng/người/tháng.

3. Mức thù lao hàng tháng của Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty:

- Số Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty: 01 người.
- Mức thù lao: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP; TCKT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

Quảng Trị, năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG.....	7
CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	13
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	13
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	14
Điều 12. Quyền của cổ đông	14
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	20
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	29

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	31
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	38
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	38
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	39
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	39
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	39
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	42
Điều 37. Kiểm soát viên.....	43
Điều 38. Ban kiểm soát.....	44
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	46
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng	46
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	47
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	48
Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	48
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	49
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	49
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	49
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	49
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	50
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 46. Năm tài chính	50
Điều 47. Chế độ kế toán.....	50
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	51
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	51
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	52

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	52
Điều 50. Kiểm toán.....	52
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	52
Điều 51. Con dấu	52
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	52
Điều 52. Giải thể công ty	52
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	53
Điều 54. Thanh lý	53
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	54
Điều 56. Điều lệ công ty	54
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 57. Ngày hiệu lực	55

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ... ngày ... tháng 4 năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

Các phụ lục của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị Quyết của đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

1.2. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

1.3. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

1.4. "Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp" là Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2025

1.5. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

1.6. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

1.7. "Cổ đông phổ thông" là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông;

1.8. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

1.9. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

1.10. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

1.11. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

1.12. "Người đại diện theo ủy quyền cổ đông" là tổ chức, cá nhân được cổ đông ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại công ty theo quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp 2020;

1.13. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp 2020 được áp dụng trong điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH**

- Tên tiếng việt viết tắt: Công ty CP MT&PTĐT Quảng Bình

- Tên giao dịch Quốc tế: QUANG BINH ENVIROMENT AND URBAN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên tiếng anh viết tắt: QBURENCO.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 01 – Hoàng Văn Thái – phường Đồng Hới – Tỉnh Quảng Trị

- Điện thoại: 02323.889.288

- Fax: 02323.889.279

- E-mail: urencoqb@gmail.com

- Website: <http://www.urencoquangbinh.com.vn>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là

- Quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, quản lý và vận hành bãi rác;
- Quản lý duy tu, duy trì, bảo vệ, vận hành hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải;
- Quản lý khai thác sử dụng hệ thống các hồ điều hòa, điều tiết, kênh, mương đê bao, các cống ngăn triều phục vụ yêu cầu thoát nước đô thị;
- Quản lý, duy tu, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đô thị; quản lý duy tu, sửa chữa nghĩa trang, nghĩa địa, dịch vụ đưa tang, dịch vụ đưa tang, dịch vụ hút bể phốt, hầm cầu;
- Quản lý các dự án do Công ty làm chủ đầu tư và các dự án do UBND tỉnh giao; xây dựng, quản lý các công trình thoát nước vệ sinh môi trường và các công trình phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, điện chiếu sáng công cộng và các công trình khác.
- Tư vấn thiết kế, thẩm tra công trình dân dụng, công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, đánh giá tác động môi trường. Đào tạo công nhân trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; giám sát thi công các công trình dân dụng, cấp thoát nước, điện chiếu sáng công cộng;
- Đầu tư xây dựng, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần;

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Doanh nghiệp dịch vụ công ích, được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm sinh lợi tối đa, tạo việc làm ổn định với thu nhập ngày càng cao

cho người lao động. Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; đảm bảo sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng, thường xuyên và ổn định. Tăng đầu tư, tăng phát triển, tăng tính tự chủ trong hoạt động của Công ty. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam (VNĐ), ngoại tệ hoặc bằng hiện vật và được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Việt Nam đồng (VNĐ).

- Vốn điều lệ của Công ty là **36.756.750.000** đồng (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn ./.).

- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **3.675.675** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Điều chỉnh vốn điều lệ:

2.1. Người đại diện phần vốn Nhà nước phải báo cáo xin ý kiến UBND tỉnh Quảng Trị khi có nhu cầu thay đổi vốn Điều lệ.

Sau khi xin ý kiến cơ quan chủ sở hữu vốn, Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật;

2.2. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông;

2.3. Ngoài vốn điều lệ ban đầu, Công ty được quyền huy động vốn để phát triển sản xuất kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về việc huy động vốn theo quy định của pháp luật. Tùy tình hình cụ thể của từng thời kỳ hoạt động, vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;

2.4. Công ty Cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình có trách nhiệm chuyển nhượng phần vốn nhà nước ra ngoài theo phương án chuyển nhượng vốn được phê duyệt (nếu có). Việc chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh hoặc trường hợp chia tài sản của Công ty khi giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu (gọi tắt là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của

Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

4.1. Giấy chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;

4.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại giấy chứng nhận cổ phiếu mới;

4.3. Thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng chỉ được chuyển nhượng sau thời gian 6 tháng, kể từ ngày người đó thôi giữ chức vụ.

Cổ phần của Nhà nước phải được chuyển nhượng theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025 và các văn bản pháp lý liên quan.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

4. Mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành đại hội đồng cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những quy định sau đây:

5.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do đại hội đồng cổ đông quyết định.

5.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại hoặc theo nguyên tắc định giá theo quy định của Pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm 5.3 điều này.

5.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

6. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

6.1. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình khi công ty có sự thay đổi tổ chức hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông đã quy định tại điều lệ này. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá định dự bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thay đổi về các vấn đề được đề cập trong khoản này;

6.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 6.1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp chưa có giá thị trường hoặc không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về việc định giá này do cổ đông thanh toán.

7. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của điều lệ này, Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

9. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

10. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

11. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

12. Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện:

- Cổ phần ưu đãi: Số cổ phiếu ưu đãi mua thêm cho cổ đông là người lao động trong công ty mua không được chuyển nhượng trong thời gian cam kết; Số cổ phần này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ Luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua ưu đãi sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì Công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cường chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
4. Ban kiểm soát;

5. Ban Giám đốc.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

1.1. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

1.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

1.4. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp;

1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.7. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây:

2.1. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

2.2. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

2.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là

cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

2.5. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

2.6. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

3.1. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

3.2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

3.3. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số

ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.2. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất 20%;

3.3. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

3.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ CCCD, hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty căn cứ và nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

3.5. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm

ng nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại mục 3.3 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại mục 3.4 và mục 3.5 khoản 3 Điều này;

4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.1 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại mục 4.2 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại mục 3.4 khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4.4. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

1.2. Báo cáo tài chính hằng năm;

1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

1.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;

1.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;

- 1.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - 1.7. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 1.8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - 1.9. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 1.10. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - 1.11. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền;
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - 2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - 2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
 - 2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - 2.6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 2.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 2.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - 2.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - 2.10 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - 3.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - 3.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

2.2. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

2.3. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

4.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

4.3. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ

phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

2.3. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

2.4. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

2.5. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

2.6. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

3.1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

3.2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

3.3. Phiếu biểu quyết;

3.4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

3.5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông

đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu, trường hợp đại hội không chọn ra được thì Chủ tọa sẽ tiến hành chọn ra những người đó.

3. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

3.2. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp;

3.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

3.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

5. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự họp.

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

7. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

8.1. Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

8.2. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

9.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

9.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

9.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

10. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành;

11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

2.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

2.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

2.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

2.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

2.5. Tổ chức lại, giải thể lại của công ty;

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Các nghị quyết được tất cả cổ đông trực tiếp và đại diện được ủy quyền tham dự tại Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

5.5. Các vấn đề đã được thông qua;

5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1.9. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ tình hình thực tế, quyền đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên hội đồng quản trị. Trong đó:

- Năm giữ từ 10% đến 30%: được quyền đề cử một (01) ứng viên;
- Năm giữ từ trên 30% đến 50%: được quyền đề cử ba (03) ứng viên;
- Năm giữ từ trên 50% đến dưới 75%: được quyền đề cử năm (05) ứng viên;
- Năm giữ từ 75% trở lên: được quyền đề cử bảy (07) ứng viên;

2. Danh sách đề cử phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu.

Thành viên Hội đồng quản trị trùng cử với số cổ phần từ cao xuống thấp theo số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông và đại diện ủy quyền dự họp.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

8. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

9. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

10. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

12. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, cố gắng đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 3/5 thành viên cũ.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Giám đốc điều hành và bộ máy quản lý.

4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

4.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của doanh nghiệp; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

4.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng nhận về quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

4.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ;

4.4. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc điều hành;

4.5. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

4.6. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

4.7. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

4.8. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

4.9. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

4.10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

4.11. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

4.12. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

4.13. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

4.14. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

4.15. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

4.16. Quyết định mua lại cổ phần của Công ty được chào bán, nhưng không quá 10% số lượng cổ phần chào bán trong mỗi chu kỳ 12 tháng;

4.17. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị thấp hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

4.18. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

4.19. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;

4.20. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

5.1. Thành lập công ty con, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

5.2. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh

nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

5.3. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

5.4. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

5.5. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính;

5.6. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

5.7. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

5.8. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

5.9. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

5.10. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành trong năm tài chính. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức lập và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua báo cáo tài chính năm của Công ty theo quy định của pháp luật.

7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền), trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của

thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

2.2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

2.3. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Giám đốc). Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tài khoản của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau:

2.1. Chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty;

2.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của hội đồng quản trị;

2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị;

2.5. Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định;

2.6. Phê duyệt dự án đầu tư.

2.7. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty theo đề nghị của giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp.

2.8. Tuyển dụng và ký hợp đồng lao động trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đảm bảo tiêu chuẩn theo Quy chế của công ty và được sự phê chuẩn của hội đồng quản trị;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên thường trực để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ủy viên thường trực có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị mình vắng mặt hoặc vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị mất khả năng làm việc hoặc không ủy quyền cho một thành viên khác thay thế khi vắng mặt thì Ủy viên thường trực tạm thời giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- 3.1. Ban kiểm soát;
- 3.2. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất ba (03) cán bộ quản lý;
- 3.3. Ít nhất năm (05) thành viên Hội đồng quản trị;
- 3.4. Có đề nghị của Ban kiểm soát.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư thành viên Hội đồng quản trị trở lên tham dự hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết

9.1. Trừ quy định tại khoản 9.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

9.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

9.3. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với công ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

9.4. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

9.5. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

9.6. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

9.7. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

13. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc vào từng thời điểm để hoạt động về công tác nhân sự, lương thưởng.

2. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy quyền, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.

3. Quyền hạn cụ thể, cơ cấu tổ chức và cách thức hoạt động của các tiểu ban này sẽ tuân theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với các quy định của Điều lệ này và các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

2.1. Có hiểu biết về pháp luật;

2.2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

2.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

4.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

4.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

4.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

4.4. Tham dự các cuộc họp;

4.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

4.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

4.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

4.8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại

hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc như sau:

3.1. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị pháp quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3.3. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

3.4. Giám đốc không đồng thời làm Giám đốc/Tổng Giám đốc điều hành doanh nghiệp khác.

4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

4.1. Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

4.2. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

4.3. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

4.4. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

Lấy ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng của họ;

4.5. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

4.6. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của công ty;

4.7. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ và các quyền lợi khác đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty;

4.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Trưởng phó phòng; Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Công ty và người lao động;

4.9. Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

4.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông:

5.1. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;

5.2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ được giao trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước;

5.3. Khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn thì Giám đốc không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xả ra đối với chủ nợ.

6. Thay mặt Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của công ty.

7. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án liên quan đến quyền lợi và để đảm bảo các quyền lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo ủy quyền.

8. Giám đốc điều hành bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

8.1. Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Công ty;

8.2. Để công ty thua lỗ hoặc không đạt chỉ tiêu cổ tức tối thiểu theo mức do đại hội đồng cổ đông quyết định;

8.3. Không tổ chức xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm để trình Hội đồng quản trị ban hành, làm cơ sở để quản trị, điều hành công ty;

8.4. Không thực hiện các nhiệm vụ trong hợp đồng lao động ký với hội đồng quản trị. Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm, tham nhũng tài sản công ty hoặc thiếu trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng cho công ty;

8.5. Khi Giám đốc điều hành bị miễn nhiệm theo các khoản trên thì Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Giám đốc điều hành khác thay thế;

8.6. Quyết định miễn nhiệm Giám đốc điều hành thông qua khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (không tính biểu quyết của Giám đốc điều hành) và Hội đồng quản trị phải đưa ra lý do miễn nhiệm. Giám đốc điều hành bị miễn nhiệm có quyền phản đối việc miễn nhiệm này tại đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Kiểm soát viên được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Kiểm soát viên (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Kiểm soát viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

2.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

2.2 Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

3.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

3.2. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

3.3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

4.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

4.3. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

5.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

5.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

5.3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nhiệm vụ sau:

4.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tổng thực hiện các nhiệm vụ được giao;

4.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4.3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

4.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ để báo cáo và đề xuất với Công ty.

4.6. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.

4.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất (06) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.8. Kiến nghị của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.9. Khi phát hiện có thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc, các phó Giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty theo quy định của điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản tới Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

4.10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4.11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của đại hội đồng cổ đông.

4.12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên đại hội đồng cổ đông.

4.13. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

4.14. Sau khi đã tham khảo ý kiến của hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4.15. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ không vượt quá mức lương bình quân của người lao động trong công ty mỗi năm. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh

toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

4.16. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

5. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

5.1. Tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ Công ty, quyết định của đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

5.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của Công ty.

5.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

5.5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

5.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả..

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác,

nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý Công ty.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chi được chi trả cho cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ theo quy định và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác

được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hội chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- 1.1. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- 1.2. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 1.3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại mục 1.3 khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1. Các chi phí thanh lý;

3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

3.3. Nợ thuế;

3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;

3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 1 đến 4 trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty;

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ, Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiên bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình nhất trí thông qua ngày ... tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Công ty Cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

2.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

2.3. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Đức Thái

DỰ THẢO

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035;
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
QUẢNG BÌNH**

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Doanh nghiệp 2020
- Luật Bảo vệ môi trường 2020
- Luật Xây dựng 2025
- Luật quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp 2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;
- Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/02/2026 về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2026 -2030);
- Nghị quyết số 97/HĐND ngày 27/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2026;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ IV nhiệm kỳ 2025- 2030;
- Các văn bản, quy định có liên quan của Đảng, Nhà nước và Công ty.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

1. Kết quả đạt được

Công ty Cổ phần Môi trường & Phát triển đô thị Quảng Bình (URENCO Quảng Bình) là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực thiết yếu của đô thị: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; quản lý, khai thác Nhà lưu trú công vụ; Thi công sửa chữa, xây dựng hệ

thống chiếu sáng, thoát nước và xử lý nước thải và một số nhiệm vụ khác được giao. Với Quy mô vốn điều lệ 36,756 tỷ đồng và 237 người lao động. Trong những năm qua, Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ đạt một số kết quả đáng ghi nhận, cụ thể như sau: (i) Chất lượng cung cấp các dịch vụ vệ sinh môi trường, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, và quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng ngày càng tốt hơn, đảm bảo đô thị sáng – xanh – sạch – đẹp; (ii) Doanh thu duy trì tăng trưởng ổn định; (iii) Công ty có lợi thế về kinh nghiệm thực địa, hiểu địa bản, lực lượng sản xuất trực tiếp và mối quan hệ công tác với chính quyền địa phương; (iv) Giữ vai trò đơn vị chủ lực trong lĩnh vực môi trường đô thị, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị tại địa phương; (v) Hệ thống tổ chức bộ máy tương đối ổn định; (vi) Đời sống của người lao động trong Công ty ngày càng được nâng cao;

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: (i) Năng lực quản trị, điều hành, tổ chức thực hiện chưa chuyên nghiệp; (ii) Tốc độ độ tăng trưởng chưa tương xứng với nhu cầu; (iii) Mức độ cơ giới hóa và tự động hóa chưa cao; (iv) Công tác chuyển đổi số mới ở giai đoạn ban đầu; (v) Năng lực công tác xây lắp còn yếu và doanh thu còn chiếm tỷ trọng thấp; (vi) Chưa khai thác hết tiềm năng kinh tế tuần hoàn; (vii) Khả năng huy động vốn còn hạn chế, phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước; (viii) Hiệu quả sử dụng vốn chưa cao, chưa đa dạng hóa nguồn thu

3. Phân tích cơ hội, thuận lợi, thách thức và khó khăn của Công ty

3.1. Thuận lợi/Cơ hội:

- Nhu cầu dịch vụ môi trường đô thị tăng cùng quá trình đô thị hóa tăng; Chủ trương phát triển đô thị xanh, thông minh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số tạo không gian chính sách thuận lợi cho doanh nghiệp.

- Nhu cầu nâng cấp, mở rộng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và điện chiếu sáng công cộng ngày càng cao.

- Có lợi thế kinh nghiệm cung cấp dịch vụ môi trường và quản lý hạ tầng đô thị; Lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của Công ty có kinh nghiệm về quản lý là những cán bộ có năng lực, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, người lao động nhiệt tình, ham học hỏi, biết khắc phục mọi khó khăn.

- Lợi thế có thể mở rộng sang dịch vụ mới như tái chế, vệ sinh công nghiệp, quản lý vận hành hạ tầng kỹ thuật thông minh.

3.2. Khó khăn/thách thức:

Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới cơ chế cung ứng dịch vụ công ích, áp lực cạnh tranh đấu thầu, yêu cầu chuẩn hóa định mức – đơn giá, áp lực đầu tư công nghệ và tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu, . . . Công ty sẽ gặp những khó khăn, thách thức cụ thể như sau:

- Có nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ. Áp lực cạnh tranh đấu thầu ngày càng lớn; yêu cầu kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, kiểm soát chi phí và thời gian đáp ứng ngày càng cao.

- Năng lực chuyển đổi số còn hạn chế.

- Thiết bị, công nghệ xử lý và giám sát, phương thức điều hành chưa đồng bộ; biến đổi khí hậu làm tăng áp lực cho hệ thống thoát nước, trạm bơm và xử lý môi trường. Cơ sở hạ tầng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thoát nước & xử lý nước thải có một số tuyến được đầu tư từ lâu nên công trình hư hỏng, xuống cấp nhưng chưa được cấp kinh phí thực hiện sửa chữa, khắc phục.

- Đơn giá cho các dịch vụ chưa theo kịp biến động thực tế; Nguồn vốn đầu tư còn hạn chế;

III. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Tập trung củng cố, xây dựng Công ty phát triển theo hướng: (i) Doanh nghiệp môi trường đô thị là nền tảng – hạ tầng kỹ thuật là động lực tăng trưởng – công nghệ là yếu tố đột phá – khách hàng là trung tâm. Phát triển bền vững trên nền tảng kinh tế tuần hoàn, đô thị xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; (ii) Lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện theo hướng chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; (iii) Tăng trưởng gắn liền với nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước. Lấy ứng dụng khoa học- công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số và quản trị thông minh làm nền tảng để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả tài chính; (iv) Kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ công ích và hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận; Hiệu quả kinh tế đi đôi với trách nhiệm xã hội; (v) Từng bước giảm phụ thuộc ngân sách, nâng cao tính tự chủ tài chính; và (vi) Khẳng định được vị thế của Công ty là doanh nghiệp chủ lực trong cung cấp dịch vụ lĩnh vực môi trường và hạ tầng kỹ thuật đô thị gắn với công bằng và bình đẳng giới.

IV. MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 VÀ TẦM NHÌN 2035

1. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

1.1 Nâng cao chất lượng SXKD hướng đến phát triển bền vững

Tập trung phát triển các lĩnh vực cốt lõi mà Công ty cung cấp dịch vụ. Chuẩn hóa chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giảm tỷ lệ phản ánh của khách hàng, tiết kiệm nhiên liệu – vật tư, tăng an toàn và vệ sinh lao động; tập trung vào tăng trưởng xanh, sản xuất thông minh, từng bước hướng tới mô hình quản trị tích hợp các yếu tố môi trường - xã hội - quản trị doanh nghiệp phù hợp với doanh nghiệp công ích.

1.2. Ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

Tập trung vào cơ giới hóa, quản trị thiết bị theo dữ liệu lớn, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, tích hợp AI/IoT/GIS/SCADA/GPS vào quản lý và sản xuất, đặc biệt ở các khâu có hiệu quả rõ rệt về năng suất, kiểm soát chất lượng, chi phí và phản ứng hiện trường.

1.3. Tái cấu trúc tài chính và nguồn vốn:

Tối ưu hóa cấu trúc vốn nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động, giảm chi phí vốn, tăng giá trị doanh nghiệp; huy động vốn từ các nguồn vốn hợp pháp khác cho các dự án tạo dòng tiền hoặc tiết kiệm chi phí vận hành.

1.4. Mở rộng thị trường và thương hiệu:

Giữ vững thị phần dịch vụ truyền thống và mở rộng lĩnh vực, ngành nghề SXKD của Công ty có thể mạnh, phát triển các dịch vụ xây lắp, kinh doanh thương mại, từng bước tham gia vào các thị trường ngoài địa bàn truyền thống; đa dạng hóa về nguồn doanh thu, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước bố trí cho dịch vụ đô thị;

Đồng thời xây dựng thương hiệu Công ty với giá trị cốt lõi là “Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Sáng tạo – Thân thiện với môi trường” và thực hiện nghiêm vụ với phương châm “Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình – Vì đô thị sáng, xanh, sạch, đẹp” nhằm khẳng định Công ty là đơn vị chủ lực.

1.5. Nâng cao năng lực quản trị và chất lượng nhân sự:

Tăng cường cải cách hành chính, áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại trong đó tích hợp các yếu tố môi trường - xã hội - quản trị doanh nghiệp, đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của việc Quản lý nguồn lực Công ty (ERP) với Quản lý quan hệ khách hàng (CRM), xây dựng hệ thống chỉ tiêu điều hành và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân có chất lượng, đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa, số hóa và mô hình quản trị mới.

2. Tầm nhìn đến năm 2035

Trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong khu vực Bắc Trung Bộ về cung cấp dịch vụ môi trường và hạ tầng kỹ thuật đô thị, vận hành hạ tầng kỹ thuật trên nền tảng số, thi công xây lắp (điện chiếu sáng công cộng và hệ thống thoát nước) chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, tự chủ tài chính cao.

IV. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Tập trung vào các nhiệm vụ về phát triển chuyên môn, đầu tư phát triển và hiện đại hóa, đảm bảo tăng trưởng đi đôi với chăm lo đời sống cho người lao động cũng như quyền lợi của cổ đông, và đồng hành với địa phương trong phát triển đô thị. Cụ thể như sau:

1. Phát triển, nâng cao giá trị sản xuất các lĩnh vực truyền thống, cốt lõi:

Duy trì và phát triển, nâng cao hiệu quả các ngành nghề, dịch vụ chủ lực của Công ty; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp; từng bước đầu tư chiều sâu để giảm sức lao động thủ công và tăng khả năng đáp ứng trong các thời điểm cao điểm, mưa bão, sự cố. Cụ thể

1.1 Nâng cao chất lượng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt

- Tập trung thực hiện “thu gọn, dọn sạch”, tổ chức lại tuyến, điểm tập kết, lịch thu gom, vận chuyển và điều động phương tiện trên cơ sở dữ liệu dân cư, khối lượng rác phát sinh và mùa vụ (mùa du lịch) đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

- Từng bước cơ giới hóa thu gom, đáp ứng nhu cầu vận chuyển cho thị trường truyền thống ngày một tăng cao cũng như mở rộng địa bàn mới nên cần tăng cường đầu tư thiết bị thu gom cơ giới, thùng chứa tiêu chuẩn, xe quét hút, xe ép rác kín; áp dụng công cụ giám sát hành trình thu gom, vận chuyển và quản lý nhiên liệu;

- Triển khai mô hình phân loại rác tại nguồn; liên kết với đối tác xử lý, tái chế để tạo nguồn doanh thu mới nhằm chuyển quy trình từ “thu gom – chôn lấp” sang “phân loại – tái chế – giảm chôn lấp”.

1.2. Phát triển quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng đảm bảo chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm điện, chiếu sáng thông minh.

Cần nâng cao hiệu quả vận hành, từng bước chuyển sang vận hành theo mô hình chiếu sáng thông minh, tối ưu hóa điện năng tiêu thụ:

- Đầu tư trung tâm điều khiển từ xa, có cảm biến tự động điều chỉnh công suất và cảm biến sự cố.

- Ưu tiên thay thế dần thiết bị có suất tiêu hao điện năng lớn bằng thiết bị hiệu suất cao, đèn LED, tủ điều khiển thông minh

- Cập nhật, số hóa cơ sở dữ liệu hệ thống điện chiếu sáng, áp dụng phần mềm quản lý tài sản và dự báo bảo trì bảo dưỡng;

- Nâng cao năng lực, mở rộng cung cấp dịch vụ bảo trì, quản lý chiếu sáng cho khu đô thị, khu dân cư và công trình công cộng ngoài phạm vi đặt hàng truyền thống.

1.3. Hiện đại hóa quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Cần nâng cao hiệu quả vận hành, giảm ngập úng và gây ô nhiễm môi trường; tối ưu hóa trong sử dụng điện năng, hóa chất, nhân công; từng bước hiện đại hóa theo mô hình thoát nước thông minh:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; ứng dụng GIS để quản lý mạng lưới cống thoát nước; hệ thống SCADA để giám sát và điều khiển các trạm bơm và trạm xử lý, giám sát mực nước, mưa, và quan trắc môi trường; áp dụng phần mềm quản lý tài sản và dự báo bảo trì bảo dưỡng; kiểm tra lòng cống bằng camera.

- Đầu tư máy bơm, thiết bị, vật tư, hoá chất dự phòng và quy trình phản ứng nhanh cho các điểm ngập, điểm nóng ô nhiễm.

- Nâng cao năng lực dự báo, ứng phó và khắc phục sự cố do mưa lớn, triều cường, ngập úng cục bộ, góp phần đảm bảo phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực, mở rộng cung cấp dịch vụ quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho khu đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngoài phạm vi đặt hàng truyền thống.

2. Đầu tư và hiện đại hóa

Tập trung đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ mới, thân thiện môi trường, chủ yếu cho máy móc, thiết bị, công nghệ số, hệ thống điều hành và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật cốt lõi tạo hiệu quả lâu dài.

3. Tăng cường thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật

Nâng cao năng lực đấu thầu, thi công và quản lý dự án. Tham gia đấu thầu công trình hạ tầng kỹ thuật, trong đó ưu tiên các công trình thuộc các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế như: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước; Xây dựng trạm xử lý nước thải quy mô nhỏ và vừa.

4. Mở rộng dịch vụ mới và hoạt động thương mại có lợi thế

Tập trung nghiên cứu, phát triển các dịch vụ mới mà công ty có lợi thế trên nguyên tắc vốn đầu tư hợp lý, thời gian thu hồi phù hợp, tận dụng năng lực hiện có, không phân tán nguồn lực lõi và có khả năng tạo doanh thu ổn định như:

- Đẩy mạnh các dịch vụ liên quan đến thuê văn phòng, nhà lưu trú, kinh doanh tổng hợp trong đó tập trung vào bán buôn/bán lẻ tổng hợp
- Vệ sinh công nghiệp, dịch vụ môi trường cho khu công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp, tư vấn – giám sát môi trường và bảo trì thiết bị hạ tầng đô thị.
- Nghiên cứu, áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các lĩnh vực mà Công ty đảm nhiệm;
- Nghiên cứu mô hình đầu tư hệ thống điện chiếu sáng công cộng – thu hồi từ tiết kiệm điện.
- Nghiên cứu đầu tư các công trình xử lý nước thải trong các cụm tiểu thủ công nghiệp theo hình thức đầu tư xây dựng – sở hữu – vận hành (BOO).
- Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ xử lý nước thải, rác thải và kinh doanh

5. Đồng hành cùng chính quyền địa phương trong phát triển đô thị

Tăng năng lực nghiên cứu, dự báo, kiến nghị giải pháp; chủ động nắm bắt cơ hội mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ, tham gia các dự án, chương trình chính trang – nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị.

V. CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Doanh thu năm 2030 tăng tối thiểu 1,38 lần so với năm 2025.
Trong đó, tỷ lệ doanh thu các dịch vụ mới chiếm 10- 15%.
2. Hàng năm nộp ngân sách tăng từ 5- 7%.
3. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) bình quân hàng năm đạt 8 - 9 %; Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) bình quân hàng năm đạt 3- 5%.
4. Hàng năm lợi nhuận tăng từ 08- 10%.
5. Cổ tức hàng năm tăng từ 06 – 08 %.
6. Hàng năm năng suất lao động và thu nhập tăng từ 08- 09%.
7. Tỷ lệ cơ giới hóa SXKD đến năm 2030 đạt ít nhất 60%.
8. Ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số đến năm 2030:
 - Giám sát hành trình phương tiện sản xuất đạt 100%.
 - Giám sát, điều khiển điện chiếu sáng từ xa đạt 70%
 - Giám sát, điều khiển từ xa các trạm bơm, quan trắc hệ thống thoát nước đạt 100%.
 - Thu giá dịch vụ qua tài khoản đạt trên 90%.
 - Thực hiện các thủ tục văn bản hành chính nội bộ thông qua hệ thống phần mềm đạt 90%.

(Khung chỉ tiêu chi cụ thể có Phụ lục 1 kèm theo)

VII. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Nguyên tắc đầu tư

- Tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT hoặc cấp thẩm quyền phê duyệt. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các hạng mục then chốt nhằm: (i) tăng năng lực cung ứng sản phẩm dịch vụ và tạo ra doanh thu mới; (ii) tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí; và (iii) tạo nền tảng số hóa và xây dựng thương hiệu Công ty.
- Đầu tư nhằm mục đích sinh lời; đảm bảo hiệu quả tài chính, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư, đồng thời phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Công ty.

2. Phạm vi, lĩnh vực đầu tư

Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực: (i) Thiết bị, phương tiện; (ii) Đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật; (iv) Hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số; (iv) Nâng cao năng lực quản trị. Đào tạo, chuẩn hóa quy trình, an toàn lao động, chuyển giao công nghệ; (v) Đầu tư phục vụ công tác quản lý vận hành hiện đại, thông minh.

3. Tổng nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư dự kiến cả giai đoạn khoảng 115 tỷ đồng, dự kiến như sau:

Nhóm dự án / hạng mục	Mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian	Nguồn vốn chính	Ưu tiên	Kết quả kỳ vọng
Văn phòng Công ty kết hợp văn phòng cho thuê/cơ sở kinh doanh	35	2026-2028	Tự có+Vay	Rất cao	Đảm bảo điều kiện làm việc. Phát triển các dịch vụ mới, khai thác hiệu quả lợi thế vị trí đất
Xe ép rác kín, xe quét hút, thùng chứa và thiết bị cơ giới hóa công tác thu gom	32	2026-2028	Tự có + vay	Rất cao	Tăng năng suất, giảm lao động thủ công, tăng khả năng đấu thầu, mở rộng thị trường
Xử lý nước rỉ rác tại Bãi rác chung Đồng Hới – Bồ Trạch	3	2026-2027	Chi phí SXKD/Hỗ trợ từ NSNN	Rất cao	Bảo đảm xử lý nước rỉ rác đảm bảo chất lượng trước khi xả ra môi trường/Tái sử dụng nước rỉ rác

Nhóm dự án / hạng mục	Mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian	Nguồn vốn chính	Ưu tiên	Kết quả kỳ vọng
Nâng cao năng lực quản trị. Đào tạo, chuẩn hóa quy trình, an toàn lao động, chuyển giao công nghệ	3	2026–2030	Chi phí SXKD	Cao	Bảo đảm tiếp nhận công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực
ERP, CRM, IOC, GPS, GIS, IoT, phần mềm điều hành và cơ sở dữ liệu	3	2026–2027	Tự có + vay ưu đãi	Rất cao	Nâng cao quản trị, điều hành trên dữ liệu
Các dự án dịch vụ mới: tái chế, vệ sinh công nghiệp, dịch vụ môi trường thương mại; văn phòng cho thuê.	20	2027–2030	Liên kết + nguồn khác	Cao	Tăng tỷ trọng doanh thu mới lên 10–15%
Xây dựng điểm tập kết, kho vật tư, xưởng sửa chữa – bảo trì và an toàn sản xuất	9	2026–2030	Tự có/Hỗ trợ từ NSNN	Trung bình	Ổn định hậu cần, giảm chi phí sửa chữa ngoài
Thiết bị, bơm, vật tư, hoá chất dự phòng và công cụ phản ứng nhanh mùa mưa	4	2026–2028	Tự có + Đề xuất NSNN cấp	Rất cao	Giảm rủi ro ngập, tăng khả năng xử lý sự cố
Hệ thống điều khiển từ xa điện chiếu sáng công cộng, thay thế một phần thiết bị thông minh	3	2027–2030	Đề xuất NSNN cấp	Cao	Tăng tỷ lệ chiếu sáng thông minh lên 70%
Nâng cấp SCADA trạm bơm, quan trắc và giám sát thoát nước – nước thải	3	2026–2029	Đề xuất NSNN cấp	Rất cao	Hoàn thành chỉ tiêu giám sát, điều khiển từ xa 100%
Tổng cộng	115				

- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn điều lệ, các quỹ của Công ty, nguồn ngân sách, và nguồn vốn huy động hợp pháp khác:

Nguồn vốn dự kiến cho chương trình đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Định hướng thực hiện
Từ nguồn vốn điều lệ, các quỹ của Công ty	34,5	30	Ưu tiên cho hạng mục cấp bách, vốn đối ứng và chi phí chuẩn bị đầu tư
Vốn vay tín dụng, vốn vay ưu đãi	46	40	Tập trung cho thiết bị, số hóa và hạ tầng có hiệu quả, tiết kiệm chi phí hoặc tăng năng lực cung ứng
Liên doanh, liên kết, PPP, đề xuất NSNN cấp và nguồn huy động hợp pháp khác	34,5	30	Ưu tiên cho dịch vụ mới, công nghệ mới và các dự án có thể chia sẻ rủi ro đầu tư
Tổng cộng	115	100%	

VIII. KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI VỐN CỦA CÔNG TY

Cơ cấu lại vốn giai đoạn 2026–2030 nhằm bảo đảm mục tiêu: (i) tối ưu hóa cấu trúc tài chính; (ii) nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; (iii) tăng quy mô vốn nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh; (iv) an toàn tài chính, giữ được khả năng thanh toán, đủ năng lực tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực then chốt; và (v) nâng cao năng lực quản trị theo cơ chế thị trường của Công ty.

1. Nguyên tắc cơ cấu lại vốn

Việc cơ cấu lại vốn tại Công ty phải đảm bảo nguyên tắc: Bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước; Tăng hiệu quả sử dụng vốn; và đa dạng hóa nguồn vốn.

2. Định hướng cơ cấu lại vốn

Định hướng cơ cấu lại vốn tại Công ty cụ thể như sau:

- Duy trì tỷ lệ sở hữu Nhà nước chi phối
- Cơ cấu lại số lượng cổ đông

- Nghiên cứu, đề xuất cấp thẩm quyền, chủ sở hữu xem xét phương án tăng vốn điều lệ khi cần thiết cũng như tăng vốn tự có bằng lợi nhuận sau thuế khi Công ty đủ điều kiện, đặc biệt trong trường hợp triển khai dự án mở rộng có hiệu quả và có tính thiết yếu cao đối với hạ tầng đô thị.

3. Giải pháp

Với quy mô vốn điều lệ hiện tại là 36,756 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ 81,49% vốn điều lệ, Công ty cần ưu tiên tăng cường công tác quản lý tài chính – tài sản đúng quy định; tăng tích lũy nội bộ, quản trị chặt công nợ, nâng hiệu quả sử

dụng tài sản; tiếp cận nguồn vốn vay trung – dài hạn cho các dự án thiết bị, số hóa và hạ tầng kỹ thuật; trích một phần lợi nhuận cho tái đầu tư; và xem xét phát hành cổ phần khi đủ điều kiện.

- Phát huy hiệu quả vốn và tài sản. Rà soát danh mục tài sản, công nợ, hàng tồn, khoản phải thu và tài sản chưa khai thác hiệu quả để có phương án xử lý, thu hồi hoặc tái cơ cấu phù hợp.

- Xây dựng hạn mức vốn lưu động theo chu kỳ thanh toán thực tế; áp dụng dự báo dòng tiền cuốn chiếu để chủ động kế hoạch giải ngân và trả nợ nhằm chế rui ro mất cân đối dòng tiền trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Từng bước nâng cao năng lực tự chủ về kinh phí đầu tư thông qua tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động, trích khấu hao đúng và dành một phần lợi nhuận cho tái đầu tư.

IX. GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Các nhóm giải pháp chủ yếu

1.1. Giải pháp quản trị, điều hành

- Hoàn thiện hệ thống quản trị chiến lược: Ban hành Nghị quyết chuyên đề của HĐQT về triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển giai đoạn 2026–2030; Xây dựng Bản đồ chiến lược theo 4 trụ cột Tài chính - Khách hàng - Quy trình nội bộ - Học hỏi & phát triển; Áp dụng công cụ đo lường đánh giá hiệu quả hoạt động qua 04 khía cạnh Tài chính - Khách hàng - Quy trình nội bộ - Học hỏi & phát triển để theo dõi thực hiện. Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa các nhiệm vụ, điều hành tổ chức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

- Giao chỉ tiêu và kiểm soát: Giao kế hoạch doanh thu – lợi nhuận – sản lượng – tiến độ đến từng đơn vị; Thiết lập bộ KPI từ Công ty xuống đơn vị trực thuộc; áp dụng dashboard điều hành;

- Chuẩn hóa các quy trình, quy chế cho tất cả các hoạt động của Công ty (từ phân cấp, điều hành, tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán và chế độ báo cáo; nghiên cứu tiến tới xây dựng và áp dụng ISO (nếu phù hợp).

1.2. Giải pháp thị trường và dịch vụ

- Giữ vững thị trường hiện hữu tại các phường Đồng Hới, Đồng Sơn, Đồng Thuận: Ký hợp đồng dài hạn với UBND địa phương; Nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng tỷ lệ hài lòng của khách hàng/chính quyền đặt hàng, giảm các ý kiến phản ánh; Xây dựng cơ chế điều chỉnh giá dịch vụ theo chi phí và đối tượng.

- Mở rộng, phát triển khách hàng (các xã, phường, khu tái định cư, khu công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, khu du lịch của tỉnh Quảng Bình cũ) ngoài khu vực truyền thống cho các dịch vụ có tiềm năng; thành lập bộ phận phát triển thị trường.

- Phát triển dịch vụ mới: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp; Dịch vụ vận hành hệ thống thoát nước, chiếu sáng công cộng cho khu đô thị, khu tái định cư mới; Dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; Dịch vụ hút bùn, thông tắc chuyên nghiệp; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở; kinh doanh tổng hợp trong đó tập trung vào bán buôn/bán lẻ tổng hợp.

1.3. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chuyển đổi số

- Tập trung xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ, chuyển đổi số cơ bản gồm ERP – CRM/GIS/GPS/SCADA/IOC

- Ưu tiên các công nghệ có thời gian hoàn vốn hợp lý, dễ vận hành, có thể tích hợp vào hệ thống hiện có và triển khai thí điểm trước khi nhân rộng; có kế hoạch đào tạo và chuyển giao công nghệ ngay từ đầu.

- Khuyến khích sáng kiến cải tiến kỹ thuật đồng thời tăng cường hợp tác với các chuyên gia/tư vấn, viện khoa học, trường có chất lượng trong các lĩnh vực này nhằm đảm bảo hiệu quả cao trong đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số tại Công ty;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số theo lĩnh vực: GPS cho phương tiện, cảm biến nhiên liệu, hệ thống phản ánh hiện trường cho lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; Phối hợp đơn vị liên quan để củng cố và xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm dự báo mưa – ngập, cảm biến mực nước chống ngập, GIS, SCADDA, IOC, camera soi cống cho thoát nước và xử lý nước thải; Điều khiển từ xa, tiến tới sử dụng 100% đèn tiết kiệm điện, có cảm biến tự động điều chỉnh công suất đối với hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng công nghệ xử lý thân thiện môi trường, các chế phẩm sinh học để xử lý nước thải, rác thải.

1.4. Giải pháp về đầu tư và tài chính

- Tổ chức phân kỳ đầu tư theo các thứ tự ưu tiên cũng như phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

- Huy động nguồn vốn từ vốn tự có, vay thương mại, nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (đặc biệt cho các nội dung đầu tư liên quan đến hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, các nguồn hợp tác đầu tư hợp pháp (cho cá dự án tái chế, xây dựng trạm xử lý nước thải trong khu tiểu thủ công nghiệp, hệ thống điện chiếu sáng – thu hồi bằng tiết kiệm điện).

- Kiểm soát chi phí: Xây dựng định mức chi phí chi tiết, tăng cường áp dụng khoán chi phí theo đơn vị; ứng dụng các phần mềm quản trị tài chính hiệu quả.

- Kiểm soát giá thành theo đơn vị sản phẩm, xây dựng ngân sách hoạt động và đầu tư theo quý/năm, kiểm soát công nợ phải thu – phải trả, đảm phán lịch thanh toán phù hợp và xây dựng quỹ dự phòng hợp lý.

1.5. Giải pháp về phát triển công tác xây lắp

- Nâng cao năng lực đấu thầu: Hoàn thiện hồ sơ năng lực; Xây dựng cơ sở dữ liệu giá, vật tư, nhân công; Thành lập Đơn vị xây dựng chuyên nghiệp; Tăng cường hợp tác, liên danh liên kết với các đối tác phù hợp.

- Nâng cao chất lượng thi công: Chuẩn hóa quy trình thi công, nghiệm thu; áp dụng các khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin trong tổ chức thi công, kiểm soát chất lượng và kiểm soát tiến độ.

1.6. Giải pháp tổ chức, nguồn nhân lực

- Cần kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp với mục tiêu, định hướng và các nhiệm vụ đề ra, đảm bảo tinh gọn, minh bạch, hoạt động hiệu lực hiệu quả

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực quản trị, kỹ năng số, kỹ năng vận hành thiết bị mới, kỹ năng quản lý dự án;

- Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ thông qua lương theo KPI, thưởng các sáng kiến, khoán hiệu quả theo công việc, . . . nhằm tạo động lực phấn đấu cũng như thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, hình thành đội ngũ cán bộ nòng cốt về quản lý, kỹ thuật (xây dựng, cơ điện, công nghệ thông tin, dữ liệu và đầu thầu) cũng như giữ chân lao động lành nghề.

1.7. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Nghiên cứu, kiến nghị cấp thẩm quyền ban hành lộ trình giá dịch vụ môi trường, hạ tầng kỹ thuật đô thị hướng đến đảm bảo lợi ích hài hòa giữa đơn vị cung cấp dịch vụ và khách hàng; thực hiện đặt hàng/đầu thầu dịch vụ công ích với thời hạn phù hợp để đơn vị cung cấp dịch vụ có cơ sở đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ

- Xây dựng, áp dụng cơ chế phân cấp, phân quyền rõ ràng, minh bạch trong Công ty theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền” và yêu cầu “làm thật, tiến độ thật, hiệu quả thật”. Đẩy mạnh áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đồng thời phân quyền tự chủ tài chính của từng đơn vị/bộ phận.

1.8. Giải pháp về Đảng, đoàn thể và văn hóa doanh nghiệp

Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ; phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tinh thần trách nhiệm; phát huy dân chủ nội bộ; xây dựng tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, trách nhiệm, an toàn và nâng cao thái độ phục vụ của cán bộ, nhân viên, người lao động – những người trực tiếp tiếp xúc với khách hàng

2. Lộ trình thực hiện

Giai đoạn 2026–2027: Củng cố nền tảng:

Ban hành chiến lược, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; Tập trung hoàn thiện khung quản trị; rà soát định mức – đơn giá – chi phí; đầu tư cơ sở hạ tầng, các hạng mục cấp bách; chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, tăng cường giám sát phương tiện, triển khai ERP/CRM/IOC nền tảng và bước đầu áp dụng điều hành số.

Giai đoạn 2028–2029: Tăng tốc/Mở rộng:

Đánh giá giữa kỳ. Cơ cấu lại vốn; Mở rộng cơ giới hóa, tăng tỷ lệ chiếu sáng và thoát nước điều khiển từ xa, hoàn thiện các quy trình số, tăng tỷ trọng xây lắp, phát triển dịch vụ mới và mở rộng địa bàn, củng cố thương hiệu doanh nghiệp môi trường đô thị có năng lực công nghệ.

Năm 2030: Hoàn thiện mô hình:

Đánh giá tổng thể kết quả, chốt bộ tiêu chuẩn quản trị – vận hành hiện đại, khẳng định vị thế doanh nghiệp chủ lực, dẫn đầu trong lĩnh vực và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn chiến lược tiếp theo.

3. Những rủi ro và biện pháp kiểm soát

Rủi ro	Mức độ ảnh hưởng	Khả năng xảy ra	Biện pháp kiểm soát chính
Cạnh tranh đấu thầu, giảm biên lợi nhuận	Cao	Cao	Chuẩn hóa định mức, kiểm soát giá thành, nâng chất lượng hồ sơ và chứng minh năng lực bằng dữ liệu vận hành thực tế.
Thiếu vốn hoặc chậm thanh toán	Cao	Cao	Lập kế hoạch dòng tiền liên tục được cập nhật hàng tháng, quý; đa dạng hóa nguồn vốn; ưu tiên đầu tư theo mức độ cấp bách và hiệu quả.
Công nghệ đầu tư không phù hợp hoặc chậm thích nghi	Trung bình	Trung bình	Thí điểm trước, đánh giá, quyết định về đầu tư; đào tạo người sử dụng và lựa chọn công nghệ có khả năng tích hợp.
Chậm chuyển đổi số	Cao	Cao	Thuê tư vấn; tăng cường đào tạo nội bộ; khuyến khích tự nghiên cứu
Thay đổi chính sách	Cao	Trung bình	Chủ động cập nhật pháp luật, đề sớm nắm bắt cũng như dự báo thay đổi; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro; đa dạng hóa dịch vụ; tăng cường đề xuất, kiến nghị; đảm bảo Công ty hoạt động đúng theo quy định hiện hành, minh bạch.
Biến đổi khí hậu, (mưa lớn, lũ lụt, nước biển dâng, ngập úng kéo dài; hạn hán gây chập cháy hệ thống điện, bãi rác: . . .)	Cao	Cao	Tích hợp các giải pháp phù hợp các lĩnh vực vào trong các kế hoạch hoạt động, sản xuất của Công ty như: xây dựng kịch bản phản ứng nhanh, đầu tư quan trắc – giám sát và cập nhật dữ liệu điểm nóng, tăng thiết bị dự phòng,
Thiếu hụt lao động kỹ thuật, tai nạn lao động	Cao	Trung bình	Tăng cường đào tạo định kỳ, cải thiện chế độ đãi ngộ; siết chặt kỷ luật về an toàn và đầu tư thiết bị hỗ trợ thay thế sức lao động nặng nhọc.

X. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Chủ thể	Trách nhiệm chủ yếu	Kết quả đầu ra / cơ chế giám sát
Hội đồng quản trị	Phê duyệt chiến lược kế hoạch 5 năm, các dự án đầu tư, chỉ tiêu kế hoạch năm; giám sát việc thực hiện.	Xem xét báo cáo quý, báo cáo năm; quyết nghị điều chỉnh mục tiêu hoặc danh mục đầu tư khi cần thiết.
Ban Giám đốc	Điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch; điều phối nguồn lực và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.	Xây dựng kế hoạch, KPI, ngân sách; báo cáo về kế hoạch, kết quả thực hiện cũng như đề xuất cho HĐQT định kỳ quý, năm; xử lý các điểm nghẽn phát sinh.
Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật/CNTT.	Tham mưu mục tiêu, cân đối kế hoạch, chuẩn bị hồ sơ đầu tư, theo dõi tiến độ và hiệu quả từng dự án; giải pháp kỹ thuật, công nghệ, số hóa; vận hành hệ thống giám sát, cơ sở dữ liệu và an toàn thông tin.	Báo cáo tiến độ tháng/quý; cập nhật danh mục đầu tư và kiến nghị điều chỉnh. Bảng điều hành (Dashboard), tỷ lệ số hóa, tỷ lệ giám sát từ xa, kế hoạch bảo trì – nâng cấp hệ thống.
Phòng Tài chính – Kế toán	Tham mưu về tái cấu trúc tài chính, xây dựng phương án vốn, quản trị dòng tiền, kiểm soát chi phí, công nợ và hiệu quả tài chính. Tham mưu về chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – kế toán.	Báo cáo dòng tiền, báo cáo đầu tư, cảnh báo rủi ro tài chính định kỳ.
Phòng Hành chính - Tổng hợp	Tham mưu nhu cầu nhân lực, đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo sự phát triển, đầu tư; chế độ, chính sách thu hút nhân tài phục vụ hoạt động của Công ty; tham mưu về cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực mà phòng đảm nhiệm.	Báo cáo định kỳ quý, năm đánh giá mức độ hoàn thành của quản lý, người lao động và quản trị nội bộ.

Chủ thể	Trách nhiệm chủ yếu	Kết quả đầu ra / cơ chế giám sát
Các đơn vị sản xuất trực thuộc	Trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD, tuân thủ quy trình, định mức, KPI và yêu cầu an toàn.	Báo cáo ngày/tuần/tháng; dữ liệu sản lượng; phản hồi hiện trường; đề xuất cải tiến.
Công đoàn, Đoàn thanh niên	Tập trung thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, động viên người lao động phát huy tinh thần làm chủ, tham gia tích cực vào thực hiện các nội dung của kế hoạch, phát động các phong trào thi đua, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động.	Báo cáo chuyên đề, nắm bắt tâm tư người lao động, kiến nghị giải pháp ổn định nhân sự.

Cơ chế giám sát thực hiện kế hoạch được tổ chức theo hệ thống: (i) giám sát tác nghiệp hằng ngày qua hệ thống dữ liệu và báo cáo hiện trường; (ii) giám sát điều hành hằng tháng, hằng quý của Ban giám đốc; (iii) giám sát chiến lược của HĐQT theo quý, 6 tháng và năm.

Định kỳ cuối mỗi năm, giữa kỳ (năm 2028) Công ty đánh giá mức độ hoàn thành theo nhóm chỉ tiêu: tài chính, thị trường – chất lượng dịch vụ, chuyển đổi số – công nghệ, đầu tư – tài sản, người lao động và quản trị nội bộ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, khi môi trường kinh doanh hoặc cơ chế chính sách thay đổi hoặc bất cứ yếu tố nào có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện, Ban Giám đốc phải chủ động, kịp thời báo cáo, đề xuất phương án để HĐQT xem xét điều chỉnh phù hợp.

XI. KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

1. Kiến nghị Đại hội cổ đông xem xét, thông qua chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2026–2030 của Công ty đồng thời chấp thuận nguyên tắc điều hành linh hoạt các chỉ tiêu tuyệt đối trên cơ sở số liệu tài chính năm 2025 (năm gốc) và điều kiện thị trường từng năm. Giao HĐQT hoàn chỉnh ra Quyết định phê duyệt để triển khai thực hiện.

2. Giao HĐQT, Ban Giám đốc lập, trình, phê duyệt riêng các dự án đầu tư trọng điểm theo danh mục ưu tiên; triển khai chuẩn bị hồ sơ nguồn vốn, hồ sơ kỹ thuật và phương án tổ chức thực hiện cho từng dự án.

3. Kế hoạch 5 năm 2026 - 2030 là cơ sở để Công ty chủ động chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiện đại hóa quản lý và vận hành, khẳng định vị thế doanh nghiệp chủ lực trong lĩnh vực môi trường và hạ tầng kỹ

thuật đô thị.. Với quyết tâm đổi mới quản trị, đầu tư đúng trọng tâm và đồng lòng của toàn thể cán bộ, người lao động, URENCO Quảng Bình có đủ điều kiện để đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiện đại và hiệu quả hơn trong giai đoạn tới.

Phục lục 1:
KHUNG CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Chỉ tiêu	2025 (cơ sở)	2026	2027	2028	2029	2030
Doanh thu (chỉ số; 2025 = 100)	100	106,6	117,6	125	132	138
Tỷ trọng doanh thu dịch vụ mới (%)	-	5	7	9	11	12-15
Tăng lợi nhuận hằng năm (%)	-	8,0	8,5	9,0	9,0	10,0
Tăng cổ tức hằng năm (%)	-	6,0	6,5	7,0	7,5	8,0
Nộp ngân sách tăng hằng năm (%)	-	5,0	5,5	6,0	6,5	7,0
Tăng năng suất lao động hằng năm (%)	-	8,0	8,0	8,5	8,5	9,0
Tăng thu nhập bình quân hằng năm (%)	-	8,0	8,0	8,5	8,5	9,0
Tỷ lệ cơ giới hóa trong SXKD (%)	Cập nhật	40	45	50	55	≥60

Chỉ tiêu khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số và quản trị thông minh

Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
Giám sát hành trình phương tiện sản xuất (%)	60	75	90	100	100
Giám sát, điều khiển điện chiếu sáng từ xa (%)	20	35	50	60	70
Giám sát, điều khiển từ xa trạm bơm/quan trắc/thoát nước (%)	75	85	90	100	100
Thu giá dịch vụ qua tài khoản (%)	30 40	60	70	80	> 90

Chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	2030
Thủ tục, văn bản hành chính nội bộ qua phần mềm (%)	65	75	80	85	90

Ghi chú: Khung chỉ tiêu trên đây được lập theo nguyên tắc vừa bám sát mục tiêu đã giao, vừa tạo dư địa điều hành linh hoạt cho từng năm. Các giá trị tuyệt đối sẽ được quy đổi từ số thực hiện năm 2025 khi xây dựng kế hoạch năm và giao kế hoạch nội bộ.

Số: .../QC-HĐQT

Quảng Trị, ngày ... tháng ... năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
- e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- h) Điều kiện tiến hành;
- i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- k) Cách thức bỏ phiếu;
- l) Cách thức kiểm phiếu;
- m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;
- n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
- p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;
- b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Điều kiện tiến hành;
 - đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Cách thức bỏ phiếu;
 - g) Cách thức kiểm phiếu;
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;
- h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;
- c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
- d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;
- đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- e) Cách thức biểu quyết;
- g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
- i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;
- k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;
- l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;
- b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- a) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

- d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;
- đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Điều 5. Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc
 - a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc;
 - b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc;
 - c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc;
 - d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc;
 - đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc;
 - e) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;
 - b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;
 - c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc;
 - d) Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - đ) Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc;
 - g) Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
3. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGD Công ty;
- Các phòng chuyên môn, các đơn vị SX
- Website Công ty
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

Số: /QC-HĐQT

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2026;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội

đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương

ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh

Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ

đồng;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công

ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính

sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo

mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi

và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi và bổ sung Quy chế và hiệu lực thi hành

1. Trường hợp có những quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật chưa đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định Pháp luật mới khác với nội dung trong Quy chế này thì những Quy định đó được xem xét và áp dụng.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình bao gồm 7 Chương, 24 Điều.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026 và bãi bỏ các quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình trước đây.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

Số: /QĐ-BKS

Quảng trị, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình (Có bản quy chế kèm theo)

Điều 2. Các thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc, cổ đông và người lao động Công ty cổ phần cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS;
- Như điều 2;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CTCP MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUẢNG BÌNH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-BKS ngày ... tháng ... năm 2026
của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện

quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (có thời hạn 6 tháng trở lên) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp

sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác

quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và

khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát

hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội

đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng.. năm 2026

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Thị Mỹ Thủy

DỰ THẢO

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

Chương 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình (Công ty) và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Người công bố thông tin.
- b. Các bộ phận liên quan gồm: Bộ phận Tài chính kế toán, Phòng ban liên quan, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty.
- c. Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 02 năm 2024;
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : CTCP Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCCKHN/HNX : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- CIMS : Hệ thống công bố thông tin của HNX
- VSDC : Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.
- CĐL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.
- CTĐC : Công ty đại chúng.
- ĐKGD : Đăng ký giao dịch
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan.
- CTĐC ĐKGD : Công ty Đại chúng đăng ký giao dịch Upcom

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của công ty đại chúng là*
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên,;
- Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- Kế toán trưởng;
- Người đại diện theo pháp luật;
- Người được ủy quyền công bố thông tin;
- Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty.

2. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua Email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK Hà Nội hoặc ngày UBCKNN, SGDCK Hà Nội nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- a. Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- b. Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. Bản scan văn bản dùng CBTT phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

6. Dữ liệu điện tử dùng CBTT là: Dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. Sổ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng là: Sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi sổ cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

8. Người công bố thông tin là: Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

9. Người có liên quan là: Cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- i. Công ty và người nội bộ của Công ty;

ii. Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

iii. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

iv. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

v. Công ty mẹ, công ty con;

vi. Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia;

vii. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán (CTĐC QML, CTĐC ĐKGD, Tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng, Công ty chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ và các Công ty Quản lý Quỹ)* là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

TT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp khác	Cổng thông tin giao tiếp điện tử của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Báo in, Báo điện tử, v.v...

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định pháp luật vào ngày làm việc sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định của pháp luật.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

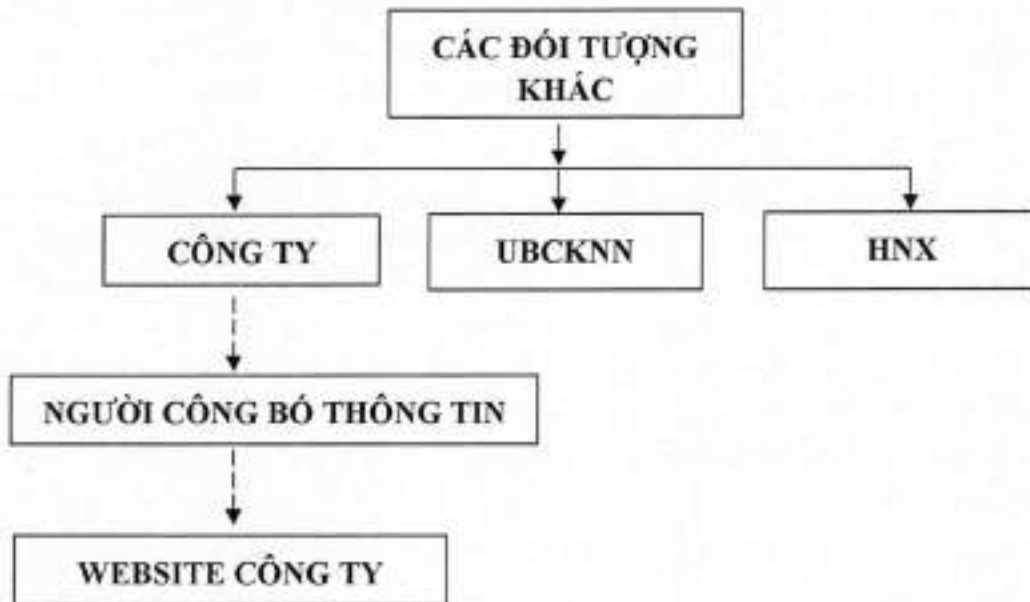
Chương 2 NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



2. Áp dụng với các đối tượng khác (**)



Ghi chú:

- > Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX
- > Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website Công ty.

(**) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan

của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này:

- a. Hội đồng quản trị: *Phụ lục 1.1*
- b. Phòng Tài chính kế toán: *Phụ lục 1.2*
- c. Phòng ban liên quan: *Phụ lục 1.3*

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

Chương 3

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDC, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các phòng ban chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người công bố thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.

4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật

có liên quan khác.

3. Giám đốc Công ty có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Công ty, Giám đốc Công ty sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Giám đốc.

Chương 4 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT Công ty quyết định sau khi được Hội đồng quản trị Công ty thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Đức Thái

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN
PHỤ LỤC 1.1 : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ)
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
2	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
3	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
4	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
7	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

	ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.			
9	Quyết định đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
10	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
11	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
12	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
13	- Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
14	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
15	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
16	Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm Trong	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty

	thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm.			
17	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
18	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
19	Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
20	Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
21	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có)	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Người quản trị công ty
22	Công ty gửi cho SGDCK Bản cung cấp thông tin (trường hợp bổ nhiệm người nội bộ mới) kèm theo và Danh sách người nội bộ và người có liên quan.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi người nội bộ	Người quản trị công ty
23	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCK về thay đổi người có liên quan của người nội bộ	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	Người quản trị công ty

CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

1	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:			
	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người quản trị công ty
	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Người quản trị công ty

2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 04 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Người quản trị công ty
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
Báo cáo thường niên				
1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
Báo cáo tình hình quản trị Công ty				
1	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Chậm nhất 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
Đại hội đồng Cổ đông				
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người quản trị công ty
2	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Người quản trị công ty
3	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác</i>	Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Người quản trị công ty

		<i>dài hơn)</i>		
4	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Người quản trị công ty
5	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến <i>(Nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)</i>	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Người quản trị công ty
6	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Người quản trị công ty
Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu				
1	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSDC, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Người quản trị công ty
Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có)				
1	Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Người quản trị công ty
Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ				
1	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/07 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)</i>	Chậm nhất là ngày 30/07 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)</i>	Người quản trị công ty, Kế toán trưởng
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/12)</i>	Chậm nhất là ngày 30/01 <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/12)</i>	Người quản trị công ty, Kế toán trưởng

PHỤ LỤC 1.2 : PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ)
CBTT ĐỊNH KỲ				
Báo cáo tài chính				
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 18 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 42 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 85 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
5	<i>Chú ý khi công bố thông tin Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</i> Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;	Công bố thông tin đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Trong vòng 12 giờ sau khi văn bản giải trình được ban hành	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

PHỤ LỤC 1.3 : PHÒNG BAN LIÊN QUAN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ)
CBTT ĐỊNH KỲ				
1	Nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
2	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (<i>Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư</i>)	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
3	Quyết định thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
4	Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Công bố tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	Công bố tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
CBTT BẤT THƯỜNG				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

2	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của công ty được sửa đổi, bổ sung;	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
3	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Người quản trị công ty
4	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
5	Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
6	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
7	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty
8	Kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	Trong thời hạn 12 giờ	Kế toán trưởng và Người quản trị công ty

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

– Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CTĐC hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

– Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN, SGDCK) trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỷ lệ nắm giữ

cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức đăng ký giao dịch X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK.

Ghi chú: NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

3. Ghi chú

- NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.

- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm

hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của Công ty.

Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ

Quảng Trị, ngày tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình sửa đổi, bổ sung và thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 20121;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình ngày 28/04/2026;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình ngày 28/04/2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị số .../BC-HĐQT ngày 28/4/2026; Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc số .../BC-MTĐT ngày 28/4/2026; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát số .../2025/MQB/BC-BKS ngày 28/4/2026.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế ban hành ngày 26/03/2026 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 3. Thống nhất thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	74.923,0	68.814,2	91,8

2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.000,0	4.253,0	106,3
3	Nộp NSNN	Tr.đồng	4.500,0	5.957,0	132,0
4	Chi trả cổ tức	%	4,0	4,0	100,0
5	Phân phối lợi nhuận năm 2025		3.200,0	3.366,3	105,2
5.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	Tr.đồng		336,6	10,0
5.2	Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	Tr.đồng		1.357,5	43,7
5.3	Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty; Trường ban kiểm soát	Tr.đồng		201,9	40,3
5.4	Chi trả cổ tức	Tr.đồng		1.470,2	6,0

- Tỷ lệ chia cổ tức (%) năm 2025: 4,0%/Cổ phần.

- Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	72.500
2	Lợi nhuận trước thuế		4.500
3	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp	Triệu đồng	6.250
4	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	43.851
5	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	8,9
6	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,2
7	Tỷ lệ Nợ phải trả/VCSH	%	0,7
8	Chi trả cổ tức (đồng/cổ phần)	Đồng	420

Điều 4. Thông qua kết quả chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2025; Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2026 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 5. Thông qua tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty ký hợp đồng với Công ty kiểm toán tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 6. Thông qua Báo cáo Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 7. Thông qua Điều lệ Công ty tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 8. Thông qua Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế công bố thông tin của Công ty tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Điều 9. Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định chi phí phụ cấp kiêm nhiệm của các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu, kiểm tra, giám sát các sản phẩm dịch vụ của Công ty và các thành viên Ban quản lý dự án.

Điều 10. Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, điều lệ, các quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình thông qua, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thời gian, hiệu lực thi hành: Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn và có hiệu lực từ kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở TC Quảng Trị;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Cổ đông;
- CBTT: UBCK NN, Sở GDCK HN, Website Công ty;
- Lưu VT.

} (b/c)

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Đức Thái

Số: /2026/BB-ĐHĐCĐ

Quảng Trị, ngày tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026
Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Hoàng Văn Thái, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3100488562. Đăng ký lần đầu ngày 12/8/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/7/2025.

II. Thời gian và địa điểm

- Thời gian: Từ 08 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút, ngày 28/4/2026.
- Địa điểm: Số 01, đường Hoàng Văn Thái, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

III. Thành phần tham dự

1. Khách mời tham dự Đại hội
 - Đại diện Văn phòng UBND tỉnh:
 - Đại diện Sở Tài chính:
2. Cùng .../224 cổ đông của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình tham dự trực tiếp và được ủy quyền tham dự tại Đại hội.

IV. Nội dung Đại hội

1. Kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội

Ông Hoàng Văn Dương- Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Tổng số cổ phần sở hữu và ủy quyền của cổ đông tham dự: ... cổ phần, chiếm ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ($\geq 51\%$ tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty).

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và phát triển Đô thị Quảng Bình là hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Ông Phạm Đức Thái - Chủ tịch HĐQT Công ty lên khai mạc Đại hội

3. Bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội.

a) Ông Phạm Đức Thái- Chủ tịch HĐQT đã đề xuất số lượng, giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch trước Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua số lượng, thành phần Đoàn Chủ tịch. Cụ thể như sau:

* **Đoàn Chủ tịch:** 03 người.

- Ông Phạm Đức Thái, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa;
- Ông Trương Công Định, Thành viên HĐQT - Thành viên;
- Ông Lê Viết Hợp, Thành viên HĐQT - Thành viên.

Đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

b) Ông Phạm Đức Thái- Chủ tịch HĐQT đã đề xuất số lượng, giới thiệu thành phần Ban Thư ký trước Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua số lượng, thành phần Ban Thư ký. Cụ thể như sau:

* **Ban Thư ký:** 02 người.

- Bà Phạm Thị Mỹ Thùy, TBKS - Trưởng ban;
- Ông Hoàng Văn Dương, Người PTQT kiêm Thư ký - Thành viên.

Đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ...cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

c) Ông Phạm Đức Thái- Chủ tịch HĐQT đã đề xuất số lượng, giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu trước Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua số lượng, thành phần Ban kiểm phiếu. Cụ thể như sau:

* **Ban kiểm phiếu:** 03 người.

- Ông Nguyễn Đức Dũng, TV HĐQT, TP KHKT - Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Thành Lượng, ĐT Đội Xe máy - Thành viên;
- Ông Nguyễn Quang Hòa, ĐT Đội QL VH HT TN-XLNT - Thành viên;

Đại hội đã nhất trí thông qua bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ...cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

4. Thông qua Chương trình làm việc và Quy chế tổ chức Đại hội.

4.1. Ông Phạm Đức Thái- Thay mặt Đoàn Chủ tịch thông qua chương trình làm việc và Đại hội đã nhất trí thông qua Chương trình làm việc của Đại hội bằng hình thức biểu quyết (Có chương trình Đại hội kèm theo). Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ...cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

4.2. Ông Phạm Đức Thái- Chủ tọa thay mặt Đoàn Chủ tịch trình bày dự thảo Quy chế Đại hội (*Có Quy chế Đại hội kèm theo*). Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế tổ chức của Đại hội bằng hình thức biểu quyết. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ...cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần;

5. Báo cáo Đại hội

5.1. Ông Trương Công Định, Giám đốc Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 (*Có Báo cáo số .../BC-MTĐT ngày 28/4/2026 kèm theo*).

5.2. Ông Phạm Đức Thái, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 (*Có báo cáo số .../BC-HĐQT ngày 28/4/2026 kèm theo*).

5.3. Bà Phạm Thị Mỹ Thủy, Trưởng Ban kiểm soát Công ty báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 (*Có Báo cáo số .../2026/MQB/BC-BKS ngày 28/4/2026 kèm theo*).

6. Thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

Ông Phạm Đức Thái- Thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc toàn văn các Tờ trình:

6.1. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025;

6.2. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

6.2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

1. Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr.đồng	74.923,0	68.814,2	91,8
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	4.000,0	4.253,0	106,3
3	Nộp NSNN	Tr.đồng	4.500,0	5.957,0	132,0
4	Chi trả cổ tức	%	4,0	4,0	100,0
5	Phân phối lợi nhuận năm 2025		3.200,0	3.366,3	105,2
5.1	Trích quỹ Đầu tư phát triển	Tr.đồng		336,6	10,0
5.2	Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	Tr.đồng		1.357,5	43,7
5.3	Trích quỹ thưởng Ban quản	Tr.đồng		201,9	40,3

	<i>lý, điều hành Công ty; Trưởng ban kiểm soát</i>				
5.4	<i>Chi trả cổ tức</i>	Tr.đồng		1.470,2	6,0

- Tỷ lệ chia cổ tức (%) năm 2025: 4,0%/Cổ phần.

- Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả cổ tức bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	72.500
2	Lợi nhuận trước thuế		4.500
3	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp	Triệu đồng	6.250
4	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	43.851
5	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	8,9
6	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,2
7	Tỷ lệ Nợ phải trả/VCSH	%	0,7
8	Chi trả cổ tức (đồng/cổ phần)	Đồng	420

6.3. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về kết quả chi trả thù lao năm 2024 và Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2025;

6.4. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán.

6.5. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030.

6.6. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về Điều lệ Công ty.

6.7. Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty về Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế công bố thông tin của Công ty.

7. Hội nghị thảo luận các nội dung của Báo cáo, Tờ trình

Các ý kiến của cổ đông: Thống nhất như các Báo cáo, Tờ trình.

8. Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình

8.1. Biểu quyết thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 tại báo cáo số .../BC-HĐQT ngày 24/4/2026 của HĐQT Công ty:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.2. Biểu quyết thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tại Báo cáo số .../BC-MTĐT ngày 24/4/2026 của Ban Giám đốc Công ty:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.3. Biểu quyết thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch năm 2026 tại Báo cáo số .../2025/MQB/BC-BKS ngày 24/4/2026:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.4. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế ban hành ngày 22/03/2025 tại Tờ trình số 268/TTr-HĐQT ngày 24/4/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.5. Biểu quyết thống nhất thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.6. Biểu quyết thông qua kết quả chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2025; Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty năm 2026 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.7. Biểu quyết thông qua tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty ký hợp đồng với

Công ty kiểm toán tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 25/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.8. Biểu quyết thông qua Báo cáo Kế hoạch chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026 - 2030 tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.9. Biểu quyết thông qua Điều lệ Công ty tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

8.10. Biểu quyết thông qua Quy chế Quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; Quy chế công bố thông tin của Công ty tại Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày 28/4/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty.

9. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định các chi phí phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên liên quan

Để thuận lợi trong quyết định chi phí, Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định chi phí phụ cấp kiêm nhiệm của các thành viên trong Hội đồng nghiệm thu, kiểm tra, giám sát các sản phẩm dịch vụ của Công ty và các thành viên Ban quản lý dự án. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

10. Thông qua dự thảo Nghị quyết và Biên bản của Đại hội

10.1. Ông Hoàng Văn Dương - Đại diện Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

10.2. Ông Hoàng Văn Dương - Đại diện Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình.

Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình. Kết quả biểu quyết cụ thể:

- Số phiếu tán thành : ... cổ phần, đạt 100%;
- Số phiếu không tán thành : 0 cổ phần;
- Số phiếu không có ý kiến : 0 cổ phần.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Môi trường và Phát triển đô thị Quảng Bình kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2026/.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Hoàng Văn Dương

Phạm Đức Thái